

Kính gửi ông / bà _____ 様

SỔ TAY NGHỊ PHẠM

GHI CHÉP VỀ TÌNH HÌNH THẨM VẤN

ひきしや 被疑者ノート とりしら きろく 取調べの記録

(Từ ngày ____ tháng ____ năm ____ Đến ngày ____ tháng ____ năm ____)
(_____ 年 _____ 月 _____ 日から _____ 年 _____ 月 _____ 日まで)

Ngày tháng năm :

年月日 :

Luật sư :

弁護士 :

Vui lòng ghi lại tình hình thẩm vấn (chất vấn) (chúng tôi sẽ xem đây là các cuộc thẩm vấn xuyên suốt) vào Sổ tay này và hoàn lại cho tôi trong thời gian sau đó.

このノートに、あなたが受けた取調べの様子を記録して、後日、私に返してください。

警察・検察の方へ

このノートは、弁護人が、接見の際に見ながら取調べ状況の説明を受けるとともに、後日返却を受け、弁護活動に役立てることを予定して、被疑者に差し入れ、記録を要請するものですので、その記録内容については、憲法に由来する秘密交通権の保障を受けます。

Kính thưa Quý Cảnh sát và Quý Công tố viên

Sổ tay nghị phạm này được cấp cho nghị phạm bởi luật sư bào chữa với yêu cầu rằng nghị phạm phải ghi chép các nội dung thẩm vấn của các điều tra viên. Sổ tay sẽ được luật sư xem xét trong quá trình trao đổi về tình hình thẩm vấn với nghị phạm, và dự kiến được sử dụng để hỗ trợ cho các hoạt động bào chữa sau khi được hoàn trả cho luật sư. Các nội dung ghi chép trên sổ tay nghị phạm này được bảo vệ theo quyền hội ý kín (quyền tư vấn) của Hiến pháp Nhật Bản.

ベトナム語版 (2022年9月改訂版)

Phiên bản sửa đổi vào tháng 9 năm 2022

LIÊN ĐOÀN LUẬT SƯ NHẬT BẢN

JFBA 日本弁護士連合会

SỔ TAY NGHI PHẠM

— MỤC LỤC —

■ Quy trình bắt giam và thủ tục tố tụng hình sự	2
■ Các lời khuyên quan trọng khi thẩm vấn	
– Chuẩn bị tâm lý khi thẩm vấn	4
Lời nói đầu.....	4
I. Các thủ tục sẽ diễn ra	4
II. Tầm quan trọng của việc gặp luật sư bào chữa	5
III. Chuẩn bị tâm lý khi thẩm vấn	6
IV. Cách viết “Sổ tay nghi phạm”	8
V. Cách sử dụng “Sổ tay nghi phạm”	8
VI. Khi bị thẩm vấn trái luật hoặc không phù hợp.....	8
Phản kết – Thái độ tinh thần của bạn có vai trò quan trọng.....	9
■ SỔ TAY NGHI PHẠM (Đề nghị điền thông tin vào phần này).....	10 - 55

QUY TRÌNH BẮT GIAM VÀ THỦ TỤC TỔ TỤNG HÌNH SỰ

Dưới đây là phần giải thích cho quy trình tố tụng hình sự sau khi bị bắt giữ, xin đọc phần giải thích nêu bên dưới. Ngoài ra, trong bảng dưới có phần ô trống để mô tả các tình huống thẩm vấn, vui lòng điền thông tin vào đây.

Sau khi bị bắt giữ bạn sẽ bị giam giữ tối đa 72 tiếng đồng hồ. Trong thời gian này, công tố viên sẽ quyết định có đề nghị thẩm phán về việc có tiếp tục tạm giam nghi phạm hay không (Đề nghị Tạm giam). Nếu có Đề nghị Tạm giam, thẩm phán sẽ quyết định có tiếp tục giam giữ hay không sau khi nghe yêu cầu của bạn (Thẩm tra Tạm giam). Trường hợp được công nhận là không phải tạm giam, bạn sẽ được thả.

BẮT GIỮ

Ngày thứ 1	Ngày thứ 2	Ngày thứ 3
/ ()	/ ()	/ ()
<input type="checkbox"/> Không thẩm vấn	<input type="checkbox"/> Không thẩm vấn	<input type="checkbox"/> Không thẩm vấn
<input type="checkbox"/> Có thẩm vấn ()	<input type="checkbox"/> Có thẩm vấn ()	<input type="checkbox"/> Có thẩm vấn ()
<input type="checkbox"/> Trao đổi Luật sư ()	<input type="checkbox"/> Trao đổi Luật sư ()	<input type="checkbox"/> Trao đổi Luật sư ()
: ~ :	: ~ :	: ~ :
<input type="checkbox"/> Thăm viếng Người thăm ()	<input type="checkbox"/> Thăm viếng Người thăm ()	<input type="checkbox"/> Thăm viếng Người thăm ()
: ~ :	: ~ :	: ~ :
<input type="checkbox"/> Gửi quà Người gửi ()	<input type="checkbox"/> Gửi quà Người gửi ()	<input type="checkbox"/> Gửi quà Người gửi ()
Quà gửi ()	Quà gửi ()	Quà gửi ()

THẢ

Thời gian tạm giam thông thường là 10 ngày, nhưng khi thẩm phán phán đoán rằng có lý do bắt buộc phải tạm giam thêm, thẩm phán sẽ quyết định kéo dài thời gian tạm giam (Gia hạn Tạm giam) đó thêm tối đa 10 ngày nữa (bạn có thể bị tạm giam tối đa là 20 ngày khi việc tạm giam được chấp thuận).

TẠM GIAM

Ngày thứ 1	Ngày thứ 2	Ngày thứ 3
/ ()	/ ()	/ ()
<input type="checkbox"/> Không thẩm vấn	<input type="checkbox"/> Không thẩm vấn	<input type="checkbox"/> Không thẩm vấn
<input type="checkbox"/> Có thẩm vấn ()	<input type="checkbox"/> Có thẩm vấn ()	<input type="checkbox"/> Có thẩm vấn ()
<input type="checkbox"/> Trao đổi Luật sư ()	<input type="checkbox"/> Trao đổi Luật sư ()	<input type="checkbox"/> Trao đổi Luật sư ()
: ~ :	: ~ :	: ~ :
<input type="checkbox"/> Thăm viếng Người thăm ()	<input type="checkbox"/> Thăm viếng Người thăm ()	<input type="checkbox"/> Thăm viếng Người thăm ()
: ~ :	: ~ :	: ~ :
<input type="checkbox"/> Gửi quà Người gửi ()	<input type="checkbox"/> Gửi quà Người gửi ()	<input type="checkbox"/> Gửi quà Người gửi ()
Quà gửi ()	Quà gửi ()	Quà gửi ()

Ngày thứ 4	Ngày thứ 5	Ngày thứ 6
/ ()	/ ()	/ ()
<input type="checkbox"/> Không thẩm vấn	<input type="checkbox"/> Không thẩm vấn	<input type="checkbox"/> Không thẩm vấn
<input type="checkbox"/> Có thẩm vấn ()	<input type="checkbox"/> Có thẩm vấn ()	<input type="checkbox"/> Có thẩm vấn ()
<input type="checkbox"/> Trao đổi Luật sư ()	<input type="checkbox"/> Trao đổi Luật sư ()	<input type="checkbox"/> Trao đổi Luật sư ()
: ~ :	: ~ :	: ~ :
<input type="checkbox"/> Thăm viếng Người thăm ()	<input type="checkbox"/> Thăm viếng Người thăm ()	<input type="checkbox"/> Thăm viếng Người thăm ()
: ~ :	: ~ :	: ~ :
<input type="checkbox"/> Gửi quà Người gửi ()	<input type="checkbox"/> Gửi quà Người gửi ()	<input type="checkbox"/> Gửi quà Người gửi ()
Quà gửi ()	Quà gửi ()	Quà gửi ()

Ngày thứ 7	Ngày thứ 8	Ngày thứ 9
/ ()	/ ()	/ ()
<input type="checkbox"/> Không thẩm vấn	<input type="checkbox"/> Không thẩm vấn	<input type="checkbox"/> Không thẩm vấn
<input type="checkbox"/> Có thẩm vấn ()	<input type="checkbox"/> Có thẩm vấn ()	<input type="checkbox"/> Có thẩm vấn ()
<input type="checkbox"/> Trao đổi Luật sư ()	<input type="checkbox"/> Trao đổi Luật sư ()	<input type="checkbox"/> Trao đổi Luật sư ()
: ~ :	: ~ :	: ~ :
<input type="checkbox"/> Thăm viếng Người thăm ()	<input type="checkbox"/> Thăm viếng Người thăm ()	<input type="checkbox"/> Thăm viếng Người thăm ()
: ~ :	: ~ :	: ~ :
<input type="checkbox"/> Gửi quà Người gửi ()	<input type="checkbox"/> Gửi quà Người gửi ()	<input type="checkbox"/> Gửi quà Người gửi ()
Quà gửi ()	Quà gửi ()	Quà gửi ()

GIA HẠN TẠM GIAM

Ngày thứ 10	/	()
<input type="checkbox"/> Không thăm vấn <input type="checkbox"/> Có thăm vấn () <input type="checkbox"/> Trao đổi Luật sư () : ~ : <input type="checkbox"/> Thăm viếng Người thăm () : ~ : <input type="checkbox"/> Gửi quà Người gửi () Quà gửi ()		

Ngày thứ 1	/	()
<input type="checkbox"/> Không thăm vấn <input type="checkbox"/> Có thăm vấn () <input type="checkbox"/> Trao đổi Luật sư () : ~ : <input type="checkbox"/> Thăm viếng Người thăm () : ~ : <input type="checkbox"/> Gửi quà Người gửi () Quà gửi ()		

Ngày thứ 2	/	()
<input type="checkbox"/> Không thăm vấn <input type="checkbox"/> Có thăm vấn () <input type="checkbox"/> Trao đổi Luật sư () : ~ : <input type="checkbox"/> Thăm viếng Người thăm () : ~ : <input type="checkbox"/> Gửi quà Người gửi () Quà gửi ()		

Ngày thứ 3	/	()
<input type="checkbox"/> Không thăm vấn <input type="checkbox"/> Có thăm vấn () <input type="checkbox"/> Trao đổi Luật sư () : ~ : <input type="checkbox"/> Thăm viếng Người thăm () : ~ : <input type="checkbox"/> Gửi quà Người gửi () Quà gửi ()		

Ngày thứ 4	/	()
<input type="checkbox"/> Không thăm vấn <input type="checkbox"/> Có thăm vấn () <input type="checkbox"/> Trao đổi Luật sư () : ~ : <input type="checkbox"/> Thăm viếng Người thăm () : ~ : <input type="checkbox"/> Gửi quà Người gửi () Quà gửi ()		

Ngày thứ 5	/	()
<input type="checkbox"/> Không thăm vấn <input type="checkbox"/> Có thăm vấn () <input type="checkbox"/> Trao đổi Luật sư () : ~ : <input type="checkbox"/> Thăm viếng Người thăm () : ~ : <input type="checkbox"/> Gửi quà Người gửi () Quà gửi ()		

Ngày thứ 6	/	()
<input type="checkbox"/> Không thăm vấn <input type="checkbox"/> Có thăm vấn () <input type="checkbox"/> Trao đổi Luật sư () : ~ : <input type="checkbox"/> Thăm viếng Người thăm () : ~ : <input type="checkbox"/> Gửi quà Người gửi () Quà gửi ()		

Ngày thứ 7	/	()
<input type="checkbox"/> Không thăm vấn <input type="checkbox"/> Có thăm vấn () <input type="checkbox"/> Trao đổi Luật sư () : ~ : <input type="checkbox"/> Thăm viếng Người thăm () : ~ : <input type="checkbox"/> Gửi quà Người gửi () Quà gửi ()		

Ngày thứ 8	/	()
<input type="checkbox"/> Không thăm vấn <input type="checkbox"/> Có thăm vấn () <input type="checkbox"/> Trao đổi Luật sư () : ~ : <input type="checkbox"/> Thăm viếng Người thăm () : ~ : <input type="checkbox"/> Gửi quà Người gửi () Quà gửi ()		

Ngày thứ 9	/	()
<input type="checkbox"/> Không thăm vấn <input type="checkbox"/> Có thăm vấn () <input type="checkbox"/> Trao đổi Luật sư () : ~ : <input type="checkbox"/> Thăm viếng Người thăm () : ~ : <input type="checkbox"/> Gửi quà Người gửi () Quà gửi ()		

Ngày thứ 10	/	()
<input type="checkbox"/> Không thăm vấn <input type="checkbox"/> Có thăm vấn () <input type="checkbox"/> Trao đổi Luật sư () : ~ : <input type="checkbox"/> Thăm viếng Người thăm () : ~ : <input type="checkbox"/> Gửi quà Người gửi () Quà gửi ()		

→ **Phóng thích (Không khởi tố, chờ xử lý)**

※Trường hợp nghi vấn tội danh khác, nghi phạm có nguy cơ sẽ bị tái bắt giữ (trong trường hợp đó quy trình sẽ bắt đầu lại).

Trước khi hết thời gian tạm giam mà thẩm phán cho phép, công tố viên sẽ quyết định có khởi tố bạn hay không. Trường hợp không bị khởi tố (không đưa ra tòa), bạn sẽ được thả.

KHỞI TỐ → **Phóng thích (Lệnh rút gọn)**

Khi nghi phạm phạm tội nhẹ và nếu việc áp dụng mức phạt 1 triệu yên hoặc ít hơn là hợp lý, nếu được sự đồng ý của bạn, việc xét xử có thể được thực hiện chỉ bằng văn bản (Lệnh rút gọn). Trong trường hợp này, bạn cũng được thả đồng thời với lệnh rút gọn đó.

→ **Bảo lãnh tại ngoại**

PHÁN QUYẾT

Nếu bị khởi tố trong thời gian tạm giam, bạn có thể được thả tạm thời cho đến khi kết thúc xét xử (Bảo lãnh tại ngoại).
Tòa án (thẩm phán) sẽ quyết định có chấp nhận bảo lãnh tại ngoại hay không. Có một số điều kiện để có thể được bảo lãnh tại ngoại và bạn phải nộp một khoản tiền bảo lãnh (Tiền bảo lãnh nộp cho tòa án nhằm đảm bảo bạn không bỏ trốn và sẽ có mặt tại tòa).

→ **Phóng thích (Vô tội, Tù treo)**

KẾT ÁN TÙ

CÁC LỜI KHUYÊN QUAN TRỌNG KHI THĂM VẤN

— Chuẩn bị tâm lý khi thẩm vấn —

Lời nói đầu

Vui lòng đọc thật kỹ những lời khuyên ghi trong cuốn “SỔ TAY NGHI PHẠM” này trước khi tham gia thẩm vấn.

I .Các thủ tục sẽ diễn ra

Dưới đây là quy trình từ khi bạn bị bắt giữ đến khi xét xử tại toà án (vui lòng tham khảo thêm cả tài liệu “Quy trình bắt giam và thủ tục tố tụng hình sự” (trang 2 và 3)).

1. Bắt giữ

Khi bị cảnh sát bắt giữ, bạn sẽ bị cảnh sát thẩm vấn, đồng thời vụ án sẽ được báo cáo lên văn phòng công tố viên trong vòng 48 giờ. Công tố viên sẽ tiến hành thẩm vấn sơ bộ trong vòng 24 giờ, và trong trường hợp cảm thấy cần phải kéo dài thời gian giam giữ, công tố viên sẽ lập “Đề nghị Tạm giam” và gửi cho thẩm phán. Nếu công tố viên xét thấy không cần phải tạm giam, khi đó bạn sẽ được thả tự do.

2. Tạm giam

Khi có “Đề nghị Tạm giam”, thẩm phán sẽ tiến hành “Thẩm tra Tạm giam” và đưa ra quyết định có tạm giam bạn hay không.

Nếu có quyết định cho phép tạm giam, bạn có thể bị tạm giam trong vòng 10 ngày kể từ ngày có đề nghị tạm giam. Trong trường hợp công tố viên thấy không có đủ bằng chứng từ nghi phạm, công tố viên có thể đề nghị thêm 10 ngày tạm giam.

Cảnh sát và công tố viên sẽ tiến hành “thăm vấn” bạn trong thời gian tạm giam.

Nếu thẩm phán không cho phép tạm giam, bạn sẽ được thả tự do.

3. Khởi tố / Không khởi tố

Trong thời gian tạm giam, khi quá trình điều tra vụ án kết thúc, công tố viên sẽ quyết định có yêu cầu đưa ra xét xử hình sự (“Khởi tố”) hay không có yêu cầu xét xử hình sự (“Không khởi tố”).

Trường hợp bị khởi tố, bạn sẽ bị xét xử tại toà án.

★Bảo lãnh tại ngoại

Trong trường hợp bị khởi tố, thông thường bạn sẽ tiếp tục bị giam giữ, tuy nhiên, trường hợp bạn được “bảo lãnh tại ngoại”, bạn sẽ được hoạt động tự do cho đến khi có phán quyết của tòa án phụ thuộc vào việc tuân thủ các điều kiện về bảo lãnh tại ngoại. Bảo lãnh tại ngoại là chế độ mà, nếu thẩm phán đánh giá rằng bạn không có khả năng bỏ trốn hoặc tiêu hủy chứng cứ, bạn có thể được thả tự do sau khi nộp một khoản tiền bảo lãnh.

II. Tầm quan trọng của việc gặp luật sư bào chữa

1. Việc gặp luật sư bào chữa rất quan trọng

~ Khi gặp khó khăn, hãy gọi cho luật sư bào chữa ~

Khi bị thẩm vấn, bạn có thể cảm thấy vô cùng bất an và không biết phải làm gì. Người thẩm vấn có thể cố gắng và gây áp lực buộc bạn ký tên hoặc đóng dấu mặc dù bạn cho rằng nội dung biên bản thẩm vấn không chính xác. Tại Nhật Bản, luật sư bào chữa không được phép có mặt trong cuộc thẩm vấn. Vì thế trong trường hợp đó, trước khi ký tên hay đóng dấu, hãy tham khảo ý kiến của luật sư bào chữa.

Khi muốn tham khảo ý kiến của một luật sư bào chữa, ngay cả khi đó là ngay giữa phiên thẩm vấn, hãy yêu cầu người thẩm vấn liên lạc với luật sư bào chữa của bạn bằng cách nói "Tôi muốn gặp luật sư bào chữa ngay lập tức". Theo quy định của chính phủ, người thẩm vấn phải ngay lập tức liên hệ với luật sư bào chữa khi nghi phạm nói "Tôi muốn gặp luật sư bào chữa".

Hãy trao đổi với luật sư bào chữa và quyết định kế hoạch về cách mà bạn muốn đối mặt với cuộc thẩm vấn. Chúng tôi khuyên bạn nên giữ im lặng và không nói gì cả cho đến khi gặp luật sư bào chữa của mình.

2. Quyền Hội ý kín

~ Bạn không cần phải khai báo nội dung trao đổi với luật sư bào chữa ~

Dù cho có bị người thẩm vấn hỏi, bạn hoàn toàn không cần phải trả lời về nội dung trao đổi giữa mình với luật sư bào chữa.

Tính bảo mật của nội dung trao đổi giữa bạn và luật sư bào chữa được bảo vệ theo quyền hội ý kín (quyền tư vấn).

3. Không cần xuất trình “Sổ tay nghi phạm”

Ngay cả khi người thẩm vấn muốn xem nội dung ghi trên “Sổ tay nghi phạm”, bạn cũng hoàn toàn không cần xuất trình ra cho họ, vì quyền bảo mật các nội dung trao đổi

giữa nghi phạm và luật sư bào chữa là một quyền được luật pháp bảo vệ.

III. Chuẩn bị tâm lý khi thẩm vấn

1. Bạn có thể giữ im lặng

~ Quyền giữ im lặng ~

Đoạn 1 Điều 38 Hiến pháp Nhật Bản đảm bảo quyền giữ im lặng. Bạn có thể giữ im lặng trong suốt buổi thẩm vấn, hoặc chỉ trả lời những câu hỏi bạn muốn trả lời và không cần trả lời cho những câu hỏi mà bạn không muốn trả lời.

Hãy yên tâm rằng kể cả khi bạn không trả lời các câu hỏi trong buổi thẩm vấn, cũng không ai có thể gây bất lợi cho bạn.

2. Hãy hiểu chính xác những gì đang diễn ra

Việc thẩm vấn của bạn sẽ được thực hiện với sự hỗ trợ của thông dịch viên. Nếu bạn không hiểu thông dịch viên đang nói gì, hãy hỏi lại thật kỹ cho đến khi bạn hiểu hoàn toàn. Lưu ý rằng đừng thừa nhận bất kỳ điều gì nếu bạn không hoàn toàn hiểu những điều mình đang thừa nhận. Nếu cảm thấy thông dịch viên không hiểu những điều bạn đang nói, hãy giải thích lại thật cẩn thận cho đến khi họ hiểu. Trong trường hợp bạn vẫn không hiểu hoặc thông dịch viên không hiểu lời giải thích của bạn, đừng nói bất kỳ điều gì.

3. Không cho phép người thẩm vấn “sáng tác” lời khai

Những nội dung bạn trình bày với cảnh sát và công tố viên được gọi là “lời khai”. Cảnh sát và công tố viên sẽ lập một văn bản có tên là “Biên bản thẩm vấn”.

“Biên bản thẩm vấn” sẽ trở thành “bằng chứng” trong vụ án của bạn. Vui lòng hiểu rằng tại tòa án cho dù bạn có khẳng định “*Những điều viết trong Biên bản thẩm vấn không phải là sự thật*” thì cũng rất khó để tòa án tin được điều đó. Do đó hãy hết sức chú ý những mục sau đây khi Biên bản thẩm vấn được lập bởi người thẩm vấn.

4. Khi bị yêu cầu ký tên hay đóng dấu, bạn cũng không có nghĩa vụ phải thực hiện

~ Quyền từ chối ký tên hay đóng dấu ~

Việc ký tên hay đóng dấu vào Biên bản thẩm vấn không phải là nghĩa vụ của bạn.

Nếu bạn không đọc được tiếng Nhật, bạn sẽ được người thẩm vấn đọc cho nghe Biên bản thẩm vấn, sau đó thông dịch viên sẽ dịch lại nội dung, và bạn sẽ được hỏi rằng nội dung trên biên bản có gì không chính xác hay không. Tuy nhiên đôi khi thông dịch viên sẽ dịch sai nội dung, hoặc nói quá nhanh, hoặc bạn quá mệt mỗi khi phải tham

dự các cuộc thẩm vấn lặp đi lặp lại hoặc kéo dài, thì có nguy cơ bạn dễ mắc phải các hiểu lầm tai hại, hoặc nghe sót nội dung biên bản. Trường hợp bạn không hiểu rõ nội dung Biên bản thẩm vấn hoặc có nghi vấn gì về nội dung thông dịch, hãy yêu cầu người thẩm vấn “*Xin đọc lại (dịch lại) một lần nữa*”, hỏi bao nhiêu lần cũng được nên hãy lắng nghe nội dung biên bản thật kỹ càng. Vì bạn có quyền từ chối ký tên hay đóng dấu vào Biên bản thẩm vấn, trường hợp bạn vẫn không hiểu rõ về nội dung biên bản, bạn nên từ chối ký tên hay đóng dấu vào Biên bản thẩm vấn.

5. Yêu cầu đính chính Biên bản thẩm vấn

~ Nội dung Biên bản thẩm vấn có thể được đính chính (Quyền đề nghị bổ sung, loại bỏ hoặc sửa đổi) ~

Bạn có quyền yêu cầu điều chỉnh nội dung trên Biên bản thẩm vấn.

Nếu Biên bản thẩm vấn không đúng, dù chỉ có một phần không đúng, hãy yêu cầu sửa lại và đảm bảo rằng nội dung trong biên bản thẩm vấn đã được chỉnh sửa đúng (ngay cả trong trường hợp yêu cầu điều chỉnh đã được đáp ứng theo yêu cầu của bạn, bạn cũng không có nghĩa vụ phải ký tên hay đóng dấu vào biên bản).

6. Những điểm cần chú ý khi bị ghi hình và thu âm

(1) Hãy thông báo cho luật sư bào chữa trong trường hợp bị ghi hình, thu âm khi thẩm vấn.

Buổi thẩm vấn của bạn có khả năng bị ghi hình và thu âm.

Trường hợp buổi thẩm vấn bị ghi hình và thu âm (hoặc, bạn được người thẩm vấn thông báo là sẽ ghi hình, thu âm), hãy nhớ luôn luôn thông báo cho luật sư bào chữa về điều này.

(2) Đối phó với việc ghi hình, thu âm, v.v.

Ngay cả trong trường hợp bị ghi hình, thu âm, bạn vẫn có quyền giữ im lặng. Bạn được quyền chọn lựa giữa việc khai báo hay không khai báo.

7. Các hỏi đáp khác :

Q1: “Công tố viên” và “Cảnh sát” khác nhau như thế nào?

A1: Cả cảnh sát và công tố viên đều sẽ thảo luận các tình tiết vụ án với bạn và những người khác, và thu thập các chứng cứ liên quan. Tuy nhiên, khác với cảnh sát, công tố viên là người có quyền quyết định về việc có khởi tố hay không khởi tố bạn trong vụ án mà bạn bị tình nghi.

Q2: “Thẩm vấn” sẽ kéo dài trong bao lâu?

A2: Tối đa là 23 ngày.

Q3: Tôi nên làm gì nếu không nhớ được tình tiết của vụ án?

A3: Trường hợp bạn không nhớ, thì cứ nói thẳng: “Tôi không nhớ”.

IV.Cách viết “Sổ tay nghi phạm”

1. Bạn có thể mua hoặc mượn các dụng cụ ghi chép

Bạn có thể mua hay mượn dụng cụ để ghi chép (Không sử dụng bút chì, vì chữ viết bằng bút chì có thể bị phai hoặc có thể bị sửa đổi. Hãy sử dụng bút bi).

2. Hãy viết lại nội dung thẩm vấn thực tế theo hình thức “Có sao viết vậy”

Hãy viết lại nội dung thẩm vấn mà bạn đã tham dự vào “Sổ tay nghi phạm” theo hình thức có sao viết vậy. Hoàn toàn không cần phải cường điệu thêm.

3. Hãy viết ngay khi ký ức vẫn còn tươi nguyên

Mặc dù chúng tôi biết bạn đang rất mệt sau cuộc thẩm vấn, nhưng khi ký ức về buổi thẩm vấn vẫn còn nguyên vẹn, hãy nhanh chóng ghi vào “Sổ tay nghi phạm” càng sớm càng tốt sau buổi thẩm vấn. Nếu bạn không thể ghi trong cùng ngày, thì hãy cố gắng ghi trong ngày hôm sau.

4. Ghi đúng ngày tháng cho mục “Ngày ghi” trên mỗi trang và ký tên

V.Cách sử dụng “Sổ tay nghi phạm”

1. Hãy mang theo khi đến phòng gặp luật sư

Khi gặp luật sư bào chữa, hãy mang theo “Sổ tay nghi phạm” và đưa cho luật sư xem cũng như trình bày về những gì đã diễn ra trong buổi thẩm vấn.

2. Hoàn lại cho luật sư vào thời gian sau đó

Một “Sổ tay nghi phạm” hoàn tất được sử dụng cho các hoạt động bào chữa của luật sư, vì vậy, hãy trả lại cho luật sư bào chữa sau đó.

VI.Khi bị thẩm vấn trái luật hoặc không phù hợp

Nếu bạn bị thẩm vấn trái luật hoặc không phù hợp dưới bất kỳ hình thức nào như

được mô tả ở mục ① đến ③ dưới đây, hãy lập tức liên lạc với luật sư bào chữa và thông báo với họ. Luật sư bào chữa sẽ đứng về phía bạn để bảo vệ quyền lợi cho bạn. Chỉ cần bạn bàn bạc với luật sư bào chữa, họ sẽ nỗ lực tối đa để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bạn, như tìm cách phản ứng lại với cảnh sát và công tố viên.

Ngoài ra còn có chế độ nộp đơn khiếu nại.

Hãy mô tả các thông tin chi tiết của buổi thẩm vấn trong “Sổ tay nghi phạm” một cách cụ thể và đúng theo thực tế những gì đã diễn ra trong cuộc thẩm vấn.

Ví dụ, nếu người thẩm vấn thực hiện bất kỳ hành vi nào sau đây, hãy thông báo cho luật sư bào chữa.

- ① Sử dụng vũ lực một cách trực tiếp hoặc gián tiếp (ví dụ, đập bàn)
- ② Có hành vi hay lời nói có thể khiến nghi phạm hoang mang, bất an
- ③ Có hành động, lời nói làm tổn hại đáng kể đến nhân phẩm của một người

Phần kết – Thái độ tinh thần của bạn có vai trò quan trọng

1. Hãy tự tin sử dụng quyền lợi của bạn

Không cần thiết phải sợ sệt người thẩm vấn. Xin được lặp lại rằng, hãy tự tin.

Hơn nữa bạn không cô độc. Khi gặp khó khăn trong cuộc thẩm vấn, hãy nói “Tôi sẽ tham khảo ý kiến với luật sư bào chữa”, và gọi luật sư đến.

2. Hãy đọc đi đọc lại cuốn sổ tay này và sẵn sàng cho cuộc thẩm vấn

Những lời khuyên quan trọng cho cuộc thẩm vấn được ghi trong cuốn “Sổ tay nghi phạm” này. Đừng chỉ đọc qua một lần mà hãy đọc đi đọc lại cuốn “Sổ tay nghi phạm” này và chuẩn bị sẵn sàng cho cuộc thẩm vấn.

Dĩ nhiên khi có điều gì không hiểu hoặc cảm thấy bất an, dù bạn cho rằng điều đó nhỏ nhặt đến đâu đi nữa, hãy trao đổi với luật sư bào chữa. Luật sư bào chữa sẽ luôn luôn đứng về phía bạn.

SỔ TAY NGHI PHẠM

取調日(月/日/年)
 1. Ngày thẩm vấn (tháng/ngày/năm) _____ / _____ / _____

時間 開始時間 終了時間
 Thời gian Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

場所 警察署 検察庁
 Địa điểm Đồn cảnh sát Văn phòng Công tố viên

取調官 (警察官、検察官) の氏名
 Tên người thẩm vấn (Cảnh sát viên/Công tố viên)
 (1) _____ (2) _____

取調べについて
 2. Chi tiết buổi thẩm vấn

黙秘権の告知はありましたか なし 覚えていない あり
 (1) Bạn đã được thông báo về quyền giữ im lặng? Không Không nhớ Có

録画はなされましたか なし あり
 (2) Buổi thẩm vấn có được ghi hình lại không? Không Có

暴行や脅迫はありましたか なし あり
 (3) Bạn có bị ngược đãi hay đe dọa không? Không Có

((3)が有りの場合) 具体的に書いてください
 Nếu trả lời có trong trường hợp (3), vui lòng mô tả chi tiết: _____

印象に残った取調官の言葉等があれば書いてください
 (4) Ghi chú lại những điều có ấn tượng mà người thẩm vấn nói với Bạn.

弁護人について何か言われたことがあれば書いてください
 (5) Người thẩm vấn có đề cập đến luật sư của Bạn không? Nếu có, ông ấy/bà ấy đã nói gì?

通訳について
 3. Về người phiên dịch :

通訳人の通訳する言葉は分かりましたか
 Bạn có hiểu những điều mà người phiên dịch nói?

分かった 分からないところがあった 分からなかった
 Có, tôi hiểu Đôi chỗ chưa hiểu Tôi không hiểu

取調事項について
 4. Về nội dung của buổi thẩm vấn :

どのような事項について取調べを受けましたか 身上関係 動機
 (1) Người thẩm vấn đã hỏi Bạn những gì? Lược sử cá nhân Động cơ

犯行状況 共犯関係 その他
 Chi tiết phạm tội Đồng phạm Những điều khác

具体的に書いてください
 (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

あなたの対応について

5. Câu trả lời của Bạn :

あなたはどのような供述をしましたか 黙秘 否認 一部否認 自白

- (1) Bạn trả lời như thế nào? Giữ im lặng Phủ nhận Phủ nhận một phần Thừa nhận

具体的に書いてください

- (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

供述調書について

6. Về Biên bản

取調官は調書の文面を作成しましたか

- (1) Người thẩm vấn đã có lập Biên bản không ?

メモのみ

Chỉ ghi chú → Xem câu 7.

作成終了

Đã lập biên bản → Xem câu (2).

調書の読み聞かせはありましたか

なし あり

- (2) Biên bản đó có được đọc cho Bạn nghe ? Không Có

あなたが供述したとおりに調書は作成されましたか

- (3) Nội dung Biên bản đó có khớp với lời khai của Bạn trong buổi thẩm vấn không ?

供述のとおりではない

分からない

供述のとおりだと思う

Không khớp

Tôi không biết

Tôi nghĩ là có

訂正の申入れをしましたか

- (4) Bạn có đề nghị đính chính lại bất cứ điều gì trong Biên bản đó ?

訂正に応じてくれない

申し入れていない

訂正に応じた

Đề nghị bị bác bỏ

Không đề nghị

Đề nghị được đáp ứng

調書への署名をしましたか ?

拒否

応じた

- (5) Bạn có ký tên vào Biên bản không ?

Không

Có

取調べについてあなたが思ったこと、感じたことを書いてください

7. Bạn nghĩ gì về buổi thẩm vấn?

弁護人はあなたの正当な権利利益を守る立場で活動します。また、守秘義務がありますから、秘密が漏れることはありません。

*1 Luật sư sẽ làm việc để bảo vệ các quyền lợi chính đáng cho Bạn. Đồng thời, luật sư có nghĩa vụ phải bảo mật nên những bí mật của Bạn sẽ tuyệt đối không bị tiết lộ.

黙秘権が保障されていますので、取調官から供述を迫られても供述を拒否できます（憲法第38条第1項）。

*2 Quyền giữ im lặng là quyền lợi được bảo vệ, do đó Bạn có thể từ chối khai ngay cả khi bị người thẩm vấn thúc ép.
(theo Mục 1 Điều 38 của Hiến Pháp)

あなたは供述調書の記載内容を訂正するよう求めることができます（刑事訴訟法第198条第4項）。

*3 Bạn có quyền yêu cầu đính chính nội dung ghi trên biên bản thẩm vấn.
(theo Mục 4 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

供述調書に署名押印することは義務ではありません。内容の正誤・理由にかかわらず、拒否できます（刑事訴訟法第198条第5項）。

*4 Bạn không có nghĩa vụ phải ký tên đóng dấu vào Biên bản. Bạn được quyền từ chối bất kể vì lý do.
Biên bản không chính xác hay lý do gì khác. (theo Mục 5 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

作成日：月／日／年

署名

Ngày lập : Tháng/ngày/năm

Chữ ký

/ /

SỔ TAY NGHI PHẠM

取調日(月/日/年)
 1. Ngày thẩm vấn (tháng/ngày/năm) _____ / _____ / _____

時間 開始時間 終了時間
 Thời gian Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

場所 警察署 検察庁
 Địa điểm Đồn cảnh sát Văn phòng Công tố viên

取調官 (警察官、検察官) の氏名
 Tên người thẩm vấn (Cảnh sát viên/Công tố viên)
 (1) _____ (2) _____

取調べについて
 2. Chi tiết buổi thẩm vấn

黙秘権の告知はありましたか なし 覚えていない あり
 (1) Bạn đã được thông báo về quyền giữ im lặng? Không Không nhớ Có

録画はなされましたか なし あり
 (2) Buổi thẩm vấn có được ghi hình lại không? Không Có

暴行や脅迫はありましたか なし あり
 (3) Bạn có bị ngược đãi hay đe dọa không? Không Có

((3)が有りの場合) 具体的に書いてください
 Nếu trả lời có trong trường hợp (3), vui lòng mô tả chi tiết: _____

印象に残った取調官の言葉等があれば書いてください
 (4) Ghi chú lại những điều có ấn tượng mà người thẩm vấn nói với Bạn.

弁護人について何か言われたことがあれば書いてください
 (5) Người thẩm vấn có đề cập đến luật sư của Bạn không? Nếu có, ông ấy/bà ấy đã nói gì?

通訳について
 3. Về người phiên dịch :

通訳人の通訳する言葉は分かりましたか
 Bạn có hiểu những điều mà người phiên dịch nói?

分かった 分からないところがあった 分からなかった
 Có, tôi hiểu Đôi chỗ chưa hiểu Tôi không hiểu

取調事項について
 4. Về nội dung của buổi thẩm vấn :

どのような事項について取調べを受けましたか 身上関係 動機
 (1) Người thẩm vấn đã hỏi Bạn những gì? Lược sử cá nhân Động cơ

犯行状況 共犯関係 その他
 Chi tiết phạm tội Đồng phạm Những điều khác

具体的に書いてください
 (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

あなたの対応について

5. Câu trả lời của Bạn :

- あなたはどのような供述をしましたか 黙秘 否認 一部否認 自白
- (1) Bạn trả lời như thế nào? Giữ im lặng Phủ nhận Phủ nhận một phần Thừa nhận
- 具体的に書いてください
- (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

供述調書について

6. Về Biên bản

取調官は調書の文面を作成しましたか

- (1) Người thẩm vấn đã có lập Biên bản không ?

メモのみ 作成終了
 Chỉ ghi chú → Xem câu 7. Đã lập biên bản → Xem câu (2).

調書の読み聞かせはありましたか なし あり

- (2) Biên bản đó có được đọc cho Bạn nghe ? Không Có

あなたが供述したとおりに調書は作成されましたか

- (3) Nội dung Biên bản đó có khớp với lời khai của Bạn trong buổi thẩm vấn không ?

供述のとおりではない 分からない 供述のとおりだと思う
 Không khớp Tôi không biết Tôi nghĩ là có

訂正の申入れをしましたか

- (4) Bạn có đề nghị đính chính lại bất cứ điều gì trong Biên bản đó ?

訂正に応じてくれない 申し入れていない 訂正に応じた
 Đề nghị bị bác bỏ Không đề nghị Đề nghị được đáp ứng

調書への署名をしましたか ?

- (5) Bạn có ký tên vào Biên bản không ? Không Có

取調べについてあなたが思ったこと、感じたことを書いてください

7. Bạn nghĩ gì về buổi thẩm vấn?

弁護人はあなたの正当な権利利益を守る立場で活動します。また、守秘義務がありますから、秘密が漏れることはありません。

*1 Luật sư sẽ làm việc để bảo vệ các quyền lợi chính đáng cho Bạn. Đồng thời, luật sư có nghĩa vụ phải bảo mật nên những bí mật của Bạn sẽ tuyệt đối không bị tiết lộ.

黙秘権が保障されていますので、取調官から供述を迫られても供述を拒否できます（憲法第38条第1項）。

*2 Quyền giữ im lặng là quyền lợi được bảo vệ, do đó Bạn có thể từ chối khai ngay cả khi bị người thẩm vấn thúc ép.
(theo Mục 1 Điều 38 của Hiến Pháp)

あなたは供述調書の記載内容を訂正するよう求めることができます（刑事訴訟法第198条第4項）。

*3 Bạn có quyền yêu cầu đính chính nội dung ghi trên biên bản thẩm vấn.
(theo Mục 4 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

供述調書に署名押印することは義務ではありません。内容の正誤・理由にかかわらず、拒否できます（刑事訴訟法第198条第5項）。

*4 Bạn không có nghĩa vụ phải ký tên đóng dấu vào Biên bản. Bạn được quyền từ chối bất kể vì lý do.
Biên bản không chính xác hay lý do gì khác. (theo Mục 5 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

作成日：月／日／年

署名

Ngày lập : Tháng/ngày/năm

Chữ ký

/ /

SỔ TAY NGHI PHẠM

取調日(月/日/年)
 1. Ngày thẩm vấn (tháng/ngày/năm) _____ / _____ / _____

時間 開始時間 終了時間
 Thời gian Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

場所 警察署 検察庁
 Địa điểm Đồn cảnh sát Văn phòng Công tố viên

取調官 (警察官、検察官) の氏名
 Tên người thẩm vấn (Cảnh sát viên/Công tố viên)
 (1) _____ (2) _____

取調べについて
 2. Chi tiết buổi thẩm vấn

黙秘権の告知はありましたか なし 覚えていない あり
 (1) Bạn đã được thông báo về quyền giữ im lặng? Không Không nhớ Có

録画はなされましたか なし あり
 (2) Buổi thẩm vấn có được ghi hình lại không? Không Có

暴行や脅迫はありましたか なし あり
 (3) Bạn có bị ngược đãi hay đe dọa không? Không Có

((3)が有りの場合) 具体的に書いてください
 Nếu trả lời có trong trường hợp (3), vui lòng mô tả chi tiết: _____

印象に残った取調官の言葉等があれば書いてください
 (4) Ghi chú lại những điều có ấn tượng mà người thẩm vấn nói với Bạn.

弁護人について何か言われたことがあれば書いてください
 (5) Người thẩm vấn có đề cập đến luật sư của Bạn không? Nếu có, ông ấy/bà ấy đã nói gì?

通訳について
 3. Về người phiên dịch :

通訳人の通訳する言葉は分かりましたか
 Bạn có hiểu những điều mà người phiên dịch nói?

分かった 分からないところがあった 分からなかった
 Có, tôi hiểu Đôi chỗ chưa hiểu Tôi không hiểu

取調事項について
 4. Về nội dung của buổi thẩm vấn :

どのような事項について取調べを受けましたか 身上関係 動機
 (1) Người thẩm vấn đã hỏi Bạn những gì? Lược sử cá nhân Động cơ

犯行状況 共犯関係 その他
 Chi tiết phạm tội Đồng phạm Những điều khác

具体的に書いてください
 (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

あなたの対応について

5. Câu trả lời của Bạn :

あなたはどのような供述をしましたか 黙秘 否認 一部否認 自白

- (1) Bạn trả lời như thế nào? Giữ im lặng Phủ nhận Phủ nhận một phần Thừa nhận

具体的に書いてください

- (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

供述調書について

6. Về Biên bản

取調官は調書の文面を作成しましたか

- (1) Người thẩm vấn đã có lập Biên bản không ?

メモのみ

Chỉ ghi chú → Xem câu 7.

作成終了

Đã lập biên bản → Xem câu (2).

調書の読み聞かせはありましたか

なし あり

- (2) Biên bản đó có được đọc cho Bạn nghe ? Không Có

あなたが供述したとおりに調書は作成されましたか

- (3) Nội dung Biên bản đó có khớp với lời khai của Bạn trong buổi thẩm vấn không ?

供述のとおりではない

分からない

供述のとおりだと思う

Không khớp

Tôi không biết

Tôi nghĩ là có

訂正の申入れをしましたか

- (4) Bạn có đề nghị đính chính lại bất cứ điều gì trong Biên bản đó ?

訂正に応じてくれない

申し入れていない

訂正に応じた

Đề nghị bị bác bỏ

Không đề nghị

Đề nghị được đáp ứng

調書への署名をしましたか ?

拒否

応じた

- (5) Bạn có ký tên vào Biên bản không ?

Không

Có

取調べについてあなたが思ったこと、感じたことを書いてください

7. Bạn nghĩ gì về buổi thẩm vấn?

弁護人はあなたの正当な権利利益を守る立場で活動します。また、守秘義務がありますから、秘密が漏れることはありません。

*1 Luật sư sẽ làm việc để bảo vệ các quyền lợi chính đáng cho Bạn. Đồng thời, luật sư có nghĩa vụ phải bảo mật nên những bí mật của Bạn sẽ tuyệt đối không bị tiết lộ.

黙秘権が保障されていますので、取調官から供述を迫られても供述を拒否できます（憲法第38条第1項）。

*2 Quyền giữ im lặng là quyền lợi được bảo vệ, do đó Bạn có thể từ chối khai ngay cả khi bị người thẩm vấn thúc ép.
(theo Mục 1 Điều 38 của Hiến Pháp)

あなたは供述調書の記載内容を訂正するよう求めることができます（刑事訴訟法第198条第4項）。

*3 Bạn có quyền yêu cầu đính chính nội dung ghi trên biên bản thẩm vấn.
(theo Mục 4 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

供述調書に署名押印することは義務ではありません。内容の正誤・理由にかかわらず、拒否できます（刑事訴訟法第198条第5項）。

*4 Bạn không có nghĩa vụ phải ký tên đóng dấu vào Biên bản. Bạn được quyền từ chối bất kể vì lý do.
Biên bản không chính xác hay lý do gì khác. (theo Mục 5 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

作成日：月／日／年

署名

Ngày lập : Tháng/ngày/năm

Chữ ký

/ /

SỔ TAY NGHI PHẠM

取調日(月/日/年)
 1. Ngày thẩm vấn (tháng/ngày/năm) _____ / _____ / _____

時間 開始時間 終了時間
 Thời gian Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

場所 警察署 検察庁
 Địa điểm Đồn cảnh sát Văn phòng Công tố viên

取調官 (警察官、検察官) の氏名
 Tên người thẩm vấn (Cảnh sát viên/Công tố viên)
 (1) _____ (2) _____

取調べについて
 2. Chi tiết buổi thẩm vấn

黙秘権の告知はありましたか なし 覚えていない あり
 (1) Bạn đã được thông báo về quyền giữ im lặng? Không Không nhớ Có

録画はなされましたか なし あり
 (2) Buổi thẩm vấn có được ghi hình lại không? Không Có

暴行や脅迫はありましたか なし あり
 (3) Bạn có bị ngược đãi hay đe dọa không? Không Có

((3)が有りの場合) 具体的に書いてください
 Nếu trả lời có trong trường hợp (3), vui lòng mô tả chi tiết: _____

印象に残った取調官の言葉等があれば書いてください
 (4) Ghi chú lại những điều có ấn tượng mà người thẩm vấn nói với Bạn.

弁護人について何か言われたことがあれば書いてください
 (5) Người thẩm vấn có đề cập đến luật sư của Bạn không? Nếu có, ông ấy/bà ấy đã nói gì?

通訳について
 3. Về người phiên dịch :

通訳人の通訳する言葉は分かりましたか
 Bạn có hiểu những điều mà người phiên dịch nói?

分かった 分からないところがあった 分からなかった
 Có, tôi hiểu Đôi chỗ chưa hiểu Tôi không hiểu

取調事項について
 4. Về nội dung của buổi thẩm vấn :

どのような事項について取調べを受けましたか 身上関係 動機
 (1) Người thẩm vấn đã hỏi Bạn những gì? Lược sử cá nhân Động cơ

犯行状況 共犯関係 その他
 Chi tiết phạm tội Đồng phạm Những điều khác

具体的に書いてください
 (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

あなたの対応について

5. Câu trả lời của Bạn :

- あなたはどのような供述をしましたか 黙秘 否認 一部否認 自白
- (1) Bạn trả lời như thế nào? Giữ im lặng Phủ nhận Phủ nhận một phần Thừa nhận
- 具体的に書いてください
- (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

供述調書について

6. Về Biên bản

取調官は調書の文面を作成しましたか

- (1) Người thẩm vấn đã có lập Biên bản không ?

メモのみ 作成終了
 Chỉ ghi chú → Xem câu 7. Đã lập biên bản → Xem câu (2).

調書の読み聞かせはありましたか なし あり

- (2) Biên bản đó có được đọc cho Bạn nghe ? Không Có

あなたが供述したとおりに調書は作成されましたか

- (3) Nội dung Biên bản đó có khớp với lời khai của Bạn trong buổi thẩm vấn không ?

供述のとおりではない 分からない 供述のとおりだと思う
 Không khớp Tôi không biết Tôi nghĩ là có

訂正の申入れをしましたか

- (4) Bạn có đề nghị đính chính lại bất cứ điều gì trong Biên bản đó ?

訂正に応じてくれない 申し入れていない 訂正に応じた
 Đề nghị bị bác bỏ Không đề nghị Đề nghị được đáp ứng

調書への署名をしましたか ?

- (5) Bạn có ký tên vào Biên bản không ? Không Có

取調べについてあなたが思ったこと、感じたことを書いてください

7. Bạn nghĩ gì về buổi thẩm vấn?

弁護人はあなたの正当な権利利益を守る立場で活動します。また、守秘義務がありますから、秘密が漏れることはありません。

*1 Luật sư sẽ làm việc để bảo vệ các quyền lợi chính đáng cho Bạn. Đồng thời, luật sư có nghĩa vụ phải bảo mật nên những bí mật của Bạn sẽ tuyệt đối không bị tiết lộ.

黙秘権が保障されていますので、取調官から供述を迫られても供述を拒否できます（憲法第38条第1項）。

*2 Quyền giữ im lặng là quyền lợi được bảo vệ, do đó Bạn có thể từ chối khai ngay cả khi bị người thẩm vấn thúc ép.
(theo Mục 1 Điều 38 của Hiến Pháp)

あなたは供述調書の記載内容を訂正するよう求めることができます（刑事訴訟法第198条第4項）。

*3 Bạn có quyền yêu cầu đính chính nội dung ghi trên biên bản thẩm vấn.
(theo Mục 4 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

供述調書に署名押印することは義務ではありません。内容の正誤・理由にかかわらず、拒否できます（刑事訴訟法第198条第5項）。

*4 Bạn không có nghĩa vụ phải ký tên đóng dấu vào Biên bản. Bạn được quyền từ chối bất kể vì lý do.
Biên bản không chính xác hay lý do gì khác. (theo Mục 5 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

作成日：月／日／年

署名

Ngày lập : Tháng/ngày/năm

Chữ ký

/ /

SỔ TAY NGHI PHẠM

取調日(月/日/年)
 1. Ngày thẩm vấn (tháng/ngày/năm) _____ / _____ / _____

時間 開始時間 終了時間
 Thời gian Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

場所 警察署 検察庁
 Địa điểm Đồn cảnh sát Văn phòng Công tố viên

取調官 (警察官、検察官) の氏名
 Tên người thẩm vấn (Cảnh sát viên/Công tố viên)
 (1) _____ (2) _____

取調べについて
 2. Chi tiết buổi thẩm vấn

黙秘権の告知はありましたか なし 覚えていない あり
 (1) Bạn đã được thông báo về quyền giữ im lặng? Không Không nhớ Có

録画はなされましたか なし あり
 (2) Buổi thẩm vấn có được ghi hình lại không? Không Có

暴行や脅迫はありましたか なし あり
 (3) Bạn có bị ngược đãi hay đe dọa không? Không Có

((3)が有りの場合) 具体的に書いてください
 Nếu trả lời có trong trường hợp (3), vui lòng mô tả chi tiết: _____

印象に残った取調官の言葉等があれば書いてください
 (4) Ghi chú lại những điều có ấn tượng mà người thẩm vấn nói với Bạn.

弁護人について何か言われたことがあれば書いてください
 (5) Người thẩm vấn có đề cập đến luật sư của Bạn không? Nếu có, ông ấy/bà ấy đã nói gì?

通訳について
 3. Về người phiên dịch :

通訳人の通訳する言葉は分かりましたか
 Bạn có hiểu những điều mà người phiên dịch nói?

分かった 分からないところがあった 分からなかった
 Có, tôi hiểu Đôi chỗ chưa hiểu Tôi không hiểu

取調事項について
 4. Về nội dung của buổi thẩm vấn :

どのような事項について取調べを受けましたか 身上関係 動機
 (1) Người thẩm vấn đã hỏi Bạn những gì? Lược sử cá nhân Động cơ

犯行状況 共犯関係 その他
 Chi tiết phạm tội Đồng phạm Những điều khác

具体的に書いてください
 (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

あなたの対応について

5. Câu trả lời của Bạn :

- あなたはどのような供述をしましたか 黙秘 否認 一部否認 自白
- (1) Bạn trả lời như thế nào? Giữ im lặng Phủ nhận Phủ nhận một phần Thừa nhận
- 具体的に書いてください
- (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

供述調書について

6. Về Biên bản

取調官は調書の文面を作成しましたか

- (1) Người thẩm vấn đã có lập Biên bản không ?

メモのみ 作成終了
 Chỉ ghi chú → Xem câu 7. Đã lập biên bản → Xem câu (2).

調書の読み聞かせはありましたか なし あり

- (2) Biên bản đó có được đọc cho Bạn nghe ? Không Có

あなたが供述したとおりに調書は作成されましたか

- (3) Nội dung Biên bản đó có khớp với lời khai của Bạn trong buổi thẩm vấn không ?

供述のとおりではない 分からない 供述のとおりだと思う
 Không khớp Tôi không biết Tôi nghĩ là có

訂正の申入れをしましたか

- (4) Bạn có đề nghị đính chính lại bất cứ điều gì trong Biên bản đó ?

訂正に応じてくれない 申し入れていない 訂正に応じた
 Đề nghị bị bác bỏ Không đề nghị Đề nghị được đáp ứng

調書への署名をしましたか ?

- (5) Bạn có ký tên vào Biên bản không ? Không Có

取調べについてあなたが思ったこと、感じたことを書いてください

7. Bạn nghĩ gì về buổi thẩm vấn?

弁護人はあなたの正当な権利利益を守る立場で活動します。また、守秘義務がありますから、秘密が漏れることはありません。

*1 Luật sư sẽ làm việc để bảo vệ các quyền lợi chính đáng cho Bạn. Đồng thời, luật sư có nghĩa vụ phải bảo mật nên những bí mật của Bạn sẽ tuyệt đối không bị tiết lộ.

黙秘権が保障されていますので、取調官から供述を迫られても供述を拒否できます（憲法第38条第1項）。

*2 Quyền giữ im lặng là quyền lợi được bảo vệ, do đó Bạn có thể từ chối khai ngay cả khi bị người thẩm vấn thúc ép.
(theo Mục 1 Điều 38 của Hiến Pháp)

あなたは供述調書の記載内容を訂正するよう求めることができます（刑事訴訟法第198条第4項）。

*3 Bạn có quyền yêu cầu đính chính nội dung ghi trên biên bản thẩm vấn.
(theo Mục 4 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

供述調書に署名押印することは義務ではありません。内容の正誤・理由にかかわらず、拒否できます（刑事訴訟法第198条第5項）。

*4 Bạn không có nghĩa vụ phải ký tên đóng dấu vào Biên bản. Bạn được quyền từ chối bất kể vì lý do.
Biên bản không chính xác hay lý do gì khác. (theo Mục 5 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

作成日：月／日／年

署名

Ngày lập : Tháng/ngày/năm

Chữ ký

/ /

SỔ TAY NGHI PHẠM

取調日(月/日/年)

1. Ngày thẩm vấn (tháng/ngày/năm) _____ / _____ / _____

時間 開始時間 終了時間
 Thời gian Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

場所 警察署 検察庁
 Địa điểm Đồn cảnh sát Văn phòng Công tố viên

取調官 (警察官、検察官) の氏名
 Tên người thẩm vấn (Cảnh sát viên/Công tố viên)

(1) _____ (2) _____

取調べについて

2. Chi tiết buổi thẩm vấn

黙秘権の告知はありましたか なし 覚えていない あり
 (1) Bạn đã được thông báo về quyền giữ im lặng? Không Không nhớ Có

録画はなされましたか なし あり
 (2) Buổi thẩm vấn có được ghi hình lại không? Không Có

暴行や脅迫はありましたか なし あり
 (3) Bạn có bị ngược đãi hay đe dọa không? Không Có

((3)が有りの場合) 具体的に書いてください
 Nếu trả lời có trong trường hợp (3), vui lòng mô tả chi tiết: _____

印象に残った取調官の言葉等があれば書いてください
 (4) Ghi chú lại những điều có ấn tượng mà người thẩm vấn nói với Bạn.

弁護人について何か言われたことがあれば書いてください
 (5) Người thẩm vấn có đề cập đến luật sư của Bạn không? Nếu có, ông ấy/bà ấy đã nói gì?

通訳について

3. Về người phiên dịch :

通訳人の通訳する言葉は分かりましたか
 Bạn có hiểu những điều mà người phiên dịch nói?

分かった 分からないところがあった 分からなかった
 Có, tôi hiểu Đôi chỗ chưa hiểu Tôi không hiểu

取調事項について

4. Về nội dung của buổi thẩm vấn :

どのような事項について取調べを受けましたか 身上関係 動機
 (1) Người thẩm vấn đã hỏi Bạn những gì? Lược sử cá nhân Động cơ

犯行状況 共犯関係 その他
 Chi tiết phạm tội Đồng phạm Những điều khác

具体的に書いてください
 (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

あなたの対応について

5. Câu trả lời của Bạn :

- あなたはどのような供述をしましたか 黙秘 否認 一部否認 自白
- (1) Bạn trả lời như thế nào? Giữ im lặng Phủ nhận Phủ nhận một phần Thừa nhận
- 具体的に書いてください
- (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

供述調書について

6. Về Biên bản

取調官は調書の文面を作成しましたか

- (1) Người thẩm vấn đã có lập Biên bản không ?

メモのみ 作成終了
 Chỉ ghi chú → Xem câu 7. Đã lập biên bản → Xem câu (2).

調書の読み聞かせはありましたか なし あり

- (2) Biên bản đó có được đọc cho Bạn nghe ? Không Có

あなたが供述したとおりに調書は作成されましたか

- (3) Nội dung Biên bản đó có khớp với lời khai của Bạn trong buổi thẩm vấn không ?

供述のとおりではない 分からない 供述のとおりだと思う
 Không khớp Tôi không biết Tôi nghĩ là có

訂正の申入れをしましたか

- (4) Bạn có đề nghị đính chính lại bất cứ điều gì trong Biên bản đó ?

訂正に応じてくれない 申し入れていない 訂正に応じた
 Đề nghị bị bác bỏ Không đề nghị Đề nghị được đáp ứng

調書への署名をしましたか ?

- (5) Bạn có ký tên vào Biên bản không ? Không Có

取調べについてあなたが思ったこと、感じたことを書いてください

7. Bạn nghĩ gì về buổi thẩm vấn?

弁護人はあなたの正当な権利利益を守る立場で活動します。また、守秘義務がありますから、秘密が漏れることはありません。

*1 Luật sư sẽ làm việc để bảo vệ các quyền lợi chính đáng cho Bạn. Đồng thời, luật sư có nghĩa vụ phải bảo mật nên những bí mật của Bạn sẽ tuyệt đối không bị tiết lộ.

黙秘権が保障されていますので、取調官から供述を迫られても供述を拒否できます（憲法第38条第1項）。

*2 Quyền giữ im lặng là quyền lợi được bảo vệ, do đó Bạn có thể từ chối khai ngay cả khi bị người thẩm vấn thúc ép.
(theo Mục 1 Điều 38 của Hiến Pháp)

あなたは供述調書の記載内容を訂正するよう求めることができます（刑事訴訟法第198条第4項）。

*3 Bạn có quyền yêu cầu đính chính nội dung ghi trên biên bản thẩm vấn.
(theo Mục 4 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

供述調書に署名押印することは義務ではありません。内容の正誤・理由にかかわらず、拒否できます（刑事訴訟法第198条第5項）。

*4 Bạn không có nghĩa vụ phải ký tên đóng dấu vào Biên bản. Bạn được quyền từ chối bất kể vì lý do.
Biên bản không chính xác hay lý do gì khác. (theo Mục 5 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

作成日：月／日／年

署名

Ngày lập : Tháng/ngày/năm

Chữ ký

/ /

SỔ TAY NGHI PHẠM

取調日(月/日/年)
 1. Ngày thẩm vấn (tháng/ngày/năm) _____ / _____ / _____

時間 開始時間 終了時間
 Thời gian Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

場所 警察署 検察庁
 Địa điểm Đồn cảnh sát Văn phòng Công tố viên

取調官 (警察官、検察官) の氏名
 Tên người thẩm vấn (Cảnh sát viên/Công tố viên)
 (1) _____ (2) _____

取調べについて
 2. Chi tiết buổi thẩm vấn

黙秘権の告知はありましたか なし 覚えていない あり
 (1) Bạn đã được thông báo về quyền giữ im lặng? Không Không nhớ Có

録画はなされましたか なし あり
 (2) Buổi thẩm vấn có được ghi hình lại không? Không Có

暴行や脅迫はありましたか なし あり
 (3) Bạn có bị ngược đãi hay đe dọa không? Không Có

((3)が有りの場合) 具体的に書いてください
 Nếu trả lời có trong trường hợp (3), vui lòng mô tả chi tiết: _____

印象に残った取調官の言葉等があれば書いてください
 (4) Ghi chú lại những điều có ấn tượng mà người thẩm vấn nói với Bạn.

弁護人について何か言われたことがあれば書いてください
 (5) Người thẩm vấn có đề cập đến luật sư của Bạn không? Nếu có, ông ấy/bà ấy đã nói gì?

通訳について
 3. Về người phiên dịch :

通訳人の通訳する言葉は分かりましたか
 Bạn có hiểu những điều mà người phiên dịch nói?

分かった 分からないところがあった 分からなかった
 Có, tôi hiểu Đôi chỗ chưa hiểu Tôi không hiểu

取調事項について
 4. Về nội dung của buổi thẩm vấn :

どのような事項について取調べを受けましたか 身上関係 動機
 (1) Người thẩm vấn đã hỏi Bạn những gì? Lược sử cá nhân Động cơ

犯行状況 共犯関係 その他
 Chi tiết phạm tội Đồng phạm Những điều khác

具体的に書いてください
 (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

あなたの対応について

5. Câu trả lời của Bạn :

- あなたはどのような供述をしましたか 黙秘 否認 一部否認 自白
- (1) Bạn trả lời như thế nào? Giữ im lặng Phủ nhận Phủ nhận một phần Thừa nhận
- 具体的に書いてください
- (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

供述調書について

6. Về Biên bản

取調官は調書の文面を作成しましたか

- (1) Người thẩm vấn đã có lập Biên bản không ?

メモのみ 作成終了
 Chỉ ghi chú → Xem câu 7. Đã lập biên bản → Xem câu (2).

調書の読み聞かせはありましたか なし あり

- (2) Biên bản đó có được đọc cho Bạn nghe ? Không Có

あなたが供述したとおりに調書は作成されましたか

- (3) Nội dung Biên bản đó có khớp với lời khai của Bạn trong buổi thẩm vấn không ?

供述のとおりではない 分からない 供述のとおりだと思う
 Không khớp Tôi không biết Tôi nghĩ là có

訂正の申入れをしましたか

- (4) Bạn có đề nghị đính chính lại bất cứ điều gì trong Biên bản đó ?

訂正に応じてくれない 申し入れていない 訂正に応じた
 Đề nghị bị bác bỏ Không đề nghị Đề nghị được đáp ứng

調書への署名をしましたか ?

- (5) Bạn có ký tên vào Biên bản không ? Không Có

取調べについてあなたが思ったこと、感じたことを書いてください

7. Bạn nghĩ gì về buổi thẩm vấn?

弁護人はあなたの正当な権利利益を守る立場で活動します。また、守秘義務がありますから、秘密が漏れることはありません。

*1 Luật sư sẽ làm việc để bảo vệ các quyền lợi chính đáng cho Bạn. Đồng thời, luật sư có nghĩa vụ phải bảo mật nên những bí mật của Bạn sẽ tuyệt đối không bị tiết lộ.

黙秘権が保障されていますので、取調官から供述を迫られても供述を拒否できます（憲法第38条第1項）。

*2 Quyền giữ im lặng là quyền lợi được bảo vệ, do đó Bạn có thể từ chối khai ngay cả khi bị người thẩm vấn thúc ép.
(theo Mục 1 Điều 38 của Hiến Pháp)

あなたは供述調書の記載内容を訂正するよう求めることができます（刑事訴訟法第198条第4項）。

*3 Bạn có quyền yêu cầu đính chính nội dung ghi trên biên bản thẩm vấn.
(theo Mục 4 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

供述調書に署名押印することは義務ではありません。内容の正誤・理由にかかわらず、拒否できます（刑事訴訟法第198条第5項）。

*4 Bạn không có nghĩa vụ phải ký tên đóng dấu vào Biên bản. Bạn được quyền từ chối bất kể vì lý do.
Biên bản không chính xác hay lý do gì khác. (theo Mục 5 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

作成日：月／日／年

署名

Ngày lập : Tháng/ngày/năm

Chữ ký

/ /

SỔ TAY NGHI PHẠM

取調日(月/日/年)
 1. Ngày thẩm vấn (tháng/ngày/năm) _____ / _____ / _____

時間 開始時間 終了時間
 Thời gian Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

場所 警察署 検察庁
 Địa điểm Đồn cảnh sát Văn phòng Công tố viên

取調官 (警察官、検察官) の氏名
 Tên người thẩm vấn (Cảnh sát viên/Công tố viên)
 (1) _____ (2) _____

取調べについて
 2. Chi tiết buổi thẩm vấn

黙秘権の告知はありましたか なし 覚えていない あり
 (1) Bạn đã được thông báo về quyền giữ im lặng? Không Không nhớ Có

録画はなされましたか なし あり
 (2) Buổi thẩm vấn có được ghi hình lại không? Không Có

暴行や脅迫はありましたか なし あり
 (3) Bạn có bị ngược đãi hay đe dọa không? Không Có

((3)が有りの場合) 具体的に書いてください
 Nếu trả lời có trong trường hợp (3), vui lòng mô tả chi tiết: _____

印象に残った取調官の言葉等があれば書いてください
 (4) Ghi chú lại những điều có ấn tượng mà người thẩm vấn nói với Bạn.

弁護人について何か言われたことがあれば書いてください
 (5) Người thẩm vấn có đề cập đến luật sư của Bạn không? Nếu có, ông ấy/bà ấy đã nói gì?

通訳について
 3. Về người phiên dịch :

通訳人の通訳する言葉は分かりましたか
 Bạn có hiểu những điều mà người phiên dịch nói?

分かった 分からないところがあった 分からなかった
 Có, tôi hiểu Đôi chỗ chưa hiểu Tôi không hiểu

取調事項について
 4. Về nội dung của buổi thẩm vấn :

どのような事項について取調べを受けましたか 身上関係 動機
 (1) Người thẩm vấn đã hỏi Bạn những gì? Lược sử cá nhân Động cơ

犯行状況 共犯関係 その他
 Chi tiết phạm tội Đồng phạm Những điều khác

具体的に書いてください
 (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

あなたの対応について

5. Câu trả lời của Bạn :

- あなたはどのような供述をしましたか 黙秘 否認 一部否認 自白
- (1) Bạn trả lời như thế nào? Giữ im lặng Phủ nhận Phủ nhận một phần Thừa nhận
- 具体的に書いてください
- (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

供述調書について

6. Về Biên bản

取調官は調書の文面を作成しましたか

- (1) Người thẩm vấn đã có lập Biên bản không ?

メモのみ 作成終了
 Chỉ ghi chú → Xem câu 7. Đã lập biên bản → Xem câu (2).

調書の読み聞かせはありましたか なし あり

- (2) Biên bản đó có được đọc cho Bạn nghe ? Không Có

あなたが供述したとおりに調書は作成されましたか

- (3) Nội dung Biên bản đó có khớp với lời khai của Bạn trong buổi thẩm vấn không ?

供述のとおりではない 分からない 供述のとおりだと思う
 Không khớp Tôi không biết Tôi nghĩ là có

訂正の申入れをしましたか

- (4) Bạn có đề nghị đính chính lại bất cứ điều gì trong Biên bản đó ?

訂正に応じてくれない 申し入れていない 訂正に応じた
 Đề nghị bị bác bỏ Không đề nghị Đề nghị được đáp ứng

調書への署名をしましたか ?

- (5) Bạn có ký tên vào Biên bản không ? Không Có

取調べについてあなたが思ったこと、感じたことを書いてください

7. Bạn nghĩ gì về buổi thẩm vấn?

弁護人はあなたの正当な権利利益を守る立場で活動します。また、守秘義務がありますから、秘密が漏れることはありません。

*1 Luật sư sẽ làm việc để bảo vệ các quyền lợi chính đáng cho Bạn. Đồng thời, luật sư có nghĩa vụ phải bảo mật nên những bí mật của Bạn sẽ tuyệt đối không bị tiết lộ.

黙秘権が保障されていますので、取調官から供述を迫られても供述を拒否できます（憲法第38条第1項）。

*2 Quyền giữ im lặng là quyền lợi được bảo vệ, do đó Bạn có thể từ chối khai ngay cả khi bị người thẩm vấn thúc ép.
(theo Mục 1 Điều 38 của Hiến Pháp)

あなたは供述調書の記載内容を訂正するよう求めることができます（刑事訴訟法第198条第4項）。

*3 Bạn có quyền yêu cầu đính chính nội dung ghi trên biên bản thẩm vấn.
(theo Mục 4 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

供述調書に署名押印することは義務ではありません。内容の正誤・理由にかかわらず、拒否できます（刑事訴訟法第198条第5項）。

*4 Bạn không có nghĩa vụ phải ký tên đóng dấu vào Biên bản. Bạn được quyền từ chối bất kể vì lý do.
Biên bản không chính xác hay lý do gì khác. (theo Mục 5 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

作成日：月／日／年

署名

Ngày lập : Tháng/ngày/năm

Chữ ký

/ /

SỔ TAY NGHI PHẠM

取調日(月/日/年)
 1. Ngày thẩm vấn (tháng/ngày/năm) _____ / _____ / _____

時間 開始時間 終了時間
 Thời gian Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

場所 警察署 検察庁
 Địa điểm Đồn cảnh sát Văn phòng Công tố viên

取調官 (警察官、検察官) の氏名
 Tên người thẩm vấn (Cảnh sát viên/Công tố viên)
 (1) _____ (2) _____

取調べについて
 2. Chi tiết buổi thẩm vấn

黙秘権の告知はありましたか なし 覚えていない あり
 (1) Bạn đã được thông báo về quyền giữ im lặng? Không Không nhớ Có

録画はなされましたか なし あり
 (2) Buổi thẩm vấn có được ghi hình lại không? Không Có

暴行や脅迫はありましたか なし あり
 (3) Bạn có bị ngược đãi hay đe dọa không? Không Có

((3)が有りの場合) 具体的に書いてください
 Nếu trả lời có trong trường hợp (3), vui lòng mô tả chi tiết: _____

印象に残った取調官の言葉等があれば書いてください
 (4) Ghi chú lại những điều có ấn tượng mà người thẩm vấn nói với Bạn.

弁護人について何か言われたことがあれば書いてください
 (5) Người thẩm vấn có đề cập đến luật sư của Bạn không? Nếu có, ông ấy/bà ấy đã nói gì?

通訳について
 3. Về người phiên dịch :

通訳人の通訳する言葉は分かりましたか
 Bạn có hiểu những điều mà người phiên dịch nói ?

分かった 分からないところがあった 分からなかった
 Có, tôi hiểu Đôi chỗ chưa hiểu Tôi không hiểu

取調事項について
 4. Về nội dung của buổi thẩm vấn :

どのような事項について取調べを受けましたか 身上関係 動機
 (1) Người thẩm vấn đã hỏi Bạn những gì? Lược sử cá nhân Động cơ

犯行状況 共犯関係 その他
 Chi tiết phạm tội Đồng phạm Những điều khác

具体的に書いてください
 (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

あなたの対応について

5. Câu trả lời của Bạn :

- あなたはどのような供述をしましたか 黙秘 否認 一部否認 自白
- (1) Bạn trả lời như thế nào? Giữ im lặng Phủ nhận Phủ nhận một phần Thừa nhận
- 具体的に書いてください
- (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

供述調書について

6. Về Biên bản

取調官は調書の文面を作成しましたか

- (1) Người thẩm vấn đã có lập Biên bản không ?

メモのみ 作成終了
 Chỉ ghi chú → Xem câu 7. Đã lập biên bản → Xem câu (2).

調書の読み聞かせはありましたか なし あり

- (2) Biên bản đó có được đọc cho Bạn nghe ? Không Có

あなたが供述したとおりに調書は作成されましたか

- (3) Nội dung Biên bản đó có khớp với lời khai của Bạn trong buổi thẩm vấn không ?

供述のとおりではない 分からない 供述のとおりだと思う
 Không khớp Tôi không biết Tôi nghĩ là có

訂正の申入れをしましたか

- (4) Bạn có đề nghị đính chính lại bất cứ điều gì trong Biên bản đó ?

訂正に応じてくれない 申し入れていない 訂正に応じた
 Đề nghị bị bác bỏ Không đề nghị Đề nghị được đáp ứng

調書への署名をしましたか ?

- (5) Bạn có ký tên vào Biên bản không ? Không Có

取調べについてあなたが思ったこと、感じたことを書いてください

7. Bạn nghĩ gì về buổi thẩm vấn?

弁護人はあなたの正当な権利利益を守る立場で活動します。また、守秘義務がありますから、秘密が漏れることはありません。

*1 Luật sư sẽ làm việc để bảo vệ các quyền lợi chính đáng cho Bạn. Đồng thời, luật sư có nghĩa vụ phải bảo mật nên những bí mật của Bạn sẽ tuyệt đối không bị tiết lộ.

黙秘権が保障されていますので、取調官から供述を迫られても供述を拒否できます（憲法第38条第1項）。

*2 Quyền giữ im lặng là quyền lợi được bảo vệ, do đó Bạn có thể từ chối khai ngay cả khi bị người thẩm vấn thúc ép.
(theo Mục 1 Điều 38 của Hiến Pháp)

あなたは供述調書の記載内容を訂正するよう求めることができます（刑事訴訟法第198条第4項）。

*3 Bạn có quyền yêu cầu đính chính nội dung ghi trên biên bản thẩm vấn.
(theo Mục 4 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

供述調書に署名押印することは義務ではありません。内容の正誤・理由にかかわらず、拒否できます（刑事訴訟法第198条第5項）。

*4 Bạn không có nghĩa vụ phải ký tên đóng dấu vào Biên bản. Bạn được quyền từ chối bất kể vì lý do.
Biên bản không chính xác hay lý do gì khác. (theo Mục 5 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

作成日：月／日／年

署名

Ngày lập : Tháng/ngày/năm

Chữ ký

/ /

SỔ TAY NGHI PHẠM

取調日(月/日/年)
 1. Ngày thẩm vấn (tháng/ngày/năm) _____ / _____ / _____

時間 開始時間 終了時間
 Thời gian Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

場所 警察署 検察庁
 Địa điểm Đồn cảnh sát Văn phòng Công tố viên

取調官 (警察官、検察官) の氏名
 Tên người thẩm vấn (Cảnh sát viên/Công tố viên)
 (1) _____ (2) _____

取調べについて
 2. Chi tiết buổi thẩm vấn

黙秘権の告知はありましたか なし 覚えていない あり
 (1) Bạn đã được thông báo về quyền giữ im lặng? Không Không nhớ Có

録画はなされましたか なし あり
 (2) Buổi thẩm vấn có được ghi hình lại không? Không Có

暴行や脅迫はありましたか なし あり
 (3) Bạn có bị ngược đãi hay đe dọa không? Không Có

((3)が有りの場合) 具体的に書いてください
 Nếu trả lời có trong trường hợp (3), vui lòng mô tả chi tiết: _____

印象に残った取調官の言葉等があれば書いてください
 (4) Ghi chú lại những điều có ấn tượng mà người thẩm vấn nói với Bạn.

弁護人について何か言われたことがあれば書いてください
 (5) Người thẩm vấn có đề cập đến luật sư của Bạn không? Nếu có, ông ấy/bà ấy đã nói gì?

通訳について
 3. Về người phiên dịch :

通訳人の通訳する言葉は分かりましたか
 Bạn có hiểu những điều mà người phiên dịch nói?

分かった 分からないところがあった 分からなかった
 Có, tôi hiểu Đôi chỗ chưa hiểu Tôi không hiểu

取調事項について
 4. Về nội dung của buổi thẩm vấn :

どのような事項について取調べを受けましたか 身上関係 動機
 (1) Người thẩm vấn đã hỏi Bạn những gì? Lược sử cá nhân Động cơ

犯行状況 共犯関係 その他
 Chi tiết phạm tội Đồng phạm Những điều khác

具体的に書いてください
 (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

あなたの対応について

5. Câu trả lời của Bạn :

- あなたはどのような供述をしましたか 黙秘 否認 一部否認 自白
- (1) Bạn trả lời như thế nào? Giữ im lặng Phủ nhận Phủ nhận một phần Thừa nhận
- 具体的に書いてください
- (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

供述調書について

6. Về Biên bản

取調官は調書の文面を作成しましたか

- (1) Người thẩm vấn đã có lập Biên bản không ?

メモのみ 作成終了
 Chỉ ghi chú → Xem câu 7. Đã lập biên bản → Xem câu (2).

調書の読み聞かせはありましたか なし あり

- (2) Biên bản đó có được đọc cho Bạn nghe ? Không Có

あなたが供述したとおりに調書は作成されましたか

- (3) Nội dung Biên bản đó có khớp với lời khai của Bạn trong buổi thẩm vấn không ?

供述のとおりではない 分からない 供述のとおりだと思う
 Không khớp Tôi không biết Tôi nghĩ là có

訂正の申入れをしましたか

- (4) Bạn có đề nghị đính chính lại bất cứ điều gì trong Biên bản đó ?

訂正に応じてくれない 申し入れていない 訂正に応じた
 Đề nghị bị bác bỏ Không đề nghị Đề nghị được đáp ứng

調書への署名をしましたか ?

- (5) Bạn có ký tên vào Biên bản không ? Không Có

取調べについてあなたが思ったこと、感じたことを書いてください

7. Bạn nghĩ gì về buổi thẩm vấn?

弁護人はあなたの正当な権利利益を守る立場で活動します。また、守秘義務がありますから、秘密が漏れることはありません。

*1 Luật sư sẽ làm việc để bảo vệ các quyền lợi chính đáng cho Bạn. Đồng thời, luật sư có nghĩa vụ phải bảo mật nên những bí mật của Bạn sẽ tuyệt đối không bị tiết lộ.

黙秘権が保障されていますので、取調官から供述を迫られても供述を拒否できます（憲法第38条第1項）。

*2 Quyền giữ im lặng là quyền lợi được bảo vệ, do đó Bạn có thể từ chối khai ngay cả khi bị người thẩm vấn thúc ép.
(theo Mục 1 Điều 38 của Hiến Pháp)

あなたは供述調書の記載内容を訂正するよう求めることができます（刑事訴訟法第198条第4項）。

*3 Bạn có quyền yêu cầu đính chính nội dung ghi trên biên bản thẩm vấn.
(theo Mục 4 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

供述調書に署名押印することは義務ではありません。内容の正誤・理由にかかわらず、拒否できます（刑事訴訟法第198条第5項）。

*4 Bạn không có nghĩa vụ phải ký tên đóng dấu vào Biên bản. Bạn được quyền từ chối bất kể vì lý do.
Biên bản không chính xác hay lý do gì khác. (theo Mục 5 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

作成日：月／日／年

署名

Ngày lập : Tháng/ngày/năm

Chữ ký

/ /

SỔ TAY NGHI PHẠM

取調日(月/日/年)
 1. Ngày thẩm vấn (tháng/ngày/năm) _____ / _____ / _____

時間 開始時間 終了時間
 Thời gian Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

場所 警察署 検察庁
 Địa điểm Đồn cảnh sát Văn phòng Công tố viên

取調官 (警察官、検察官) の氏名
 Tên người thẩm vấn (Cảnh sát viên/Công tố viên)
 (1) _____ (2) _____

取調べについて
 2. Chi tiết buổi thẩm vấn

黙秘権の告知はありましたか なし 覚えていない あり
 (1) Bạn đã được thông báo về quyền giữ im lặng? Không Không nhớ Có

録画はなされましたか なし あり
 (2) Buổi thẩm vấn có được ghi hình lại không? Không Có

暴行や脅迫はありましたか なし あり
 (3) Bạn có bị ngược đãi hay đe dọa không? Không Có

((3)が有りの場合) 具体的に書いてください
 Nếu trả lời có trong trường hợp (3), vui lòng mô tả chi tiết: _____

印象に残った取調官の言葉等があれば書いてください
 (4) Ghi chú lại những điều có ấn tượng mà người thẩm vấn nói với Bạn.

弁護人について何か言われたことがあれば書いてください
 (5) Người thẩm vấn có đề cập đến luật sư của Bạn không? Nếu có, ông ấy/bà ấy đã nói gì?

通訳について
 3. Về người phiên dịch :

通訳人の通訳する言葉は分かりましたか
 Bạn có hiểu những điều mà người phiên dịch nói?

分かった 分からないところがあった 分からなかった
 Có, tôi hiểu Đôi chỗ chưa hiểu Tôi không hiểu

取調事項について
 4. Về nội dung của buổi thẩm vấn :

どのような事項について取調べを受けましたか 身上関係 動機
 (1) Người thẩm vấn đã hỏi Bạn những gì? Lược sử cá nhân Động cơ

犯行状況 共犯関係 その他
 Chi tiết phạm tội Đồng phạm Những điều khác

具体的に書いてください
 (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

あなたの対応について

5. Câu trả lời của Bạn :

- あなたはどのような供述をしましたか 黙秘 否認 一部否認 自白
- (1) Bạn trả lời như thế nào? Giữ im lặng Phủ nhận Phủ nhận một phần Thừa nhận
- 具体的に書いてください
- (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

供述調書について

6. Về Biên bản

取調官は調書の文面を作成しましたか

- (1) Người thẩm vấn đã có lập Biên bản không ?

メモのみ 作成終了
 Chỉ ghi chú → Xem câu 7. Đã lập biên bản → Xem câu (2).

調書の読み聞かせはありましたか なし あり

- (2) Biên bản đó có được đọc cho Bạn nghe ? Không Có

あなたが供述したとおりに調書は作成されましたか

- (3) Nội dung Biên bản đó có khớp với lời khai của Bạn trong buổi thẩm vấn không ?

供述のとおりではない 分からない 供述のとおりだと思う
 Không khớp Tôi không biết Tôi nghĩ là có

訂正の申入れをしましたか

- (4) Bạn có đề nghị đính chính lại bất cứ điều gì trong Biên bản đó ?

訂正に応じてくれない 申し入れていない 訂正に応じた
 Đề nghị bị bác bỏ Không đề nghị Đề nghị được đáp ứng

調書への署名をしましたか ?

- (5) Bạn có ký tên vào Biên bản không ? Không Có

取調べについてあなたが思ったこと、感じたことを書いてください

7. Bạn nghĩ gì về buổi thẩm vấn?

弁護人はあなたの正当な権利利益を守る立場で活動します。また、守秘義務がありますから、秘密が漏れることはありません。

*1 Luật sư sẽ làm việc để bảo vệ các quyền lợi chính đáng cho Bạn. Đồng thời, luật sư có nghĩa vụ phải bảo mật nên những bí mật của Bạn sẽ tuyệt đối không bị tiết lộ.

黙秘権が保障されていますので、取調官から供述を迫られても供述を拒否できます（憲法第38条第1項）。

*2 Quyền giữ im lặng là quyền lợi được bảo vệ, do đó Bạn có thể từ chối khai ngay cả khi bị người thẩm vấn thúc ép.
(theo Mục 1 Điều 38 của Hiến Pháp)

あなたは供述調書の記載内容を訂正するよう求めることができます（刑事訴訟法第198条第4項）。

*3 Bạn có quyền yêu cầu đính chính nội dung ghi trên biên bản thẩm vấn.
(theo Mục 4 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

供述調書に署名押印することは義務ではありません。内容の正誤・理由にかかわらず、拒否できます（刑事訴訟法第198条第5項）。

*4 Bạn không có nghĩa vụ phải ký tên đóng dấu vào Biên bản. Bạn được quyền từ chối bất kể vì lý do.
Biên bản không chính xác hay lý do gì khác. (theo Mục 5 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

作成日：月／日／年

署名

Ngày lập : Tháng/ngày/năm

Chữ ký

/ /

SỔ TAY NGHI PHẠM

取調日(月/日/年)
 1. Ngày thẩm vấn (tháng/ngày/năm) _____ / _____ / _____

時間 開始時間 終了時間
 Thời gian Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

場所 警察署 検察庁
 Địa điểm Đồn cảnh sát Văn phòng Công tố viên

取調官 (警察官、検察官) の氏名
 Tên người thẩm vấn (Cảnh sát viên/Công tố viên)
 (1) _____ (2) _____

取調べについて
 2. Chi tiết buổi thẩm vấn

黙秘権の告知はありましたか なし 覚えていない あり
 (1) Bạn đã được thông báo về quyền giữ im lặng? Không Không nhớ Có

録画はなされましたか なし あり
 (2) Buổi thẩm vấn có được ghi hình lại không? Không Có

暴行や脅迫はありましたか なし あり
 (3) Bạn có bị ngược đãi hay đe dọa không? Không Có

((3)が有りの場合) 具体的に書いてください
 Nếu trả lời có trong trường hợp (3), vui lòng mô tả chi tiết: _____

印象に残った取調官の言葉等があれば書いてください
 (4) Ghi chú lại những điều có ấn tượng mà người thẩm vấn nói với Bạn.

弁護人について何か言われたことがあれば書いてください
 (5) Người thẩm vấn có đề cập đến luật sư của Bạn không? Nếu có, ông ấy/bà ấy đã nói gì?

通訳について
 3. Về người phiên dịch :

通訳人の通訳する言葉は分かりましたか
 Bạn có hiểu những điều mà người phiên dịch nói?

分かった 分からないところがあった 分からなかった
 Có, tôi hiểu Đôi chỗ chưa hiểu Tôi không hiểu

取調事項について
 4. Về nội dung của buổi thẩm vấn :

どのような事項について取調べを受けましたか 身上関係 動機
 (1) Người thẩm vấn đã hỏi Bạn những gì? Lược sử cá nhân Động cơ

犯行状況 共犯関係 その他
 Chi tiết phạm tội Đồng phạm Những điều khác

具体的に書いてください
 (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

あなたの対応について

5. Câu trả lời của Bạn :

- あなたはどのような供述をしましたか 黙秘 否認 一部否認 自白
- (1) Bạn trả lời như thế nào? Giữ im lặng Phủ nhận Phủ nhận một phần Thừa nhận
- 具体的に書いてください
- (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

供述調書について

6. Về Biên bản

取調官は調書の文面を作成しましたか

- (1) Người thẩm vấn đã có lập Biên bản không ?

メモのみ 作成終了
 Chỉ ghi chú → Xem câu 7. Đã lập biên bản → Xem câu (2).

調書の読み聞かせはありましたか なし あり

- (2) Biên bản đó có được đọc cho Bạn nghe ? Không Có

あなたが供述したとおりに調書は作成されましたか

- (3) Nội dung Biên bản đó có khớp với lời khai của Bạn trong buổi thẩm vấn không ?

供述のとおりではない 分からない 供述のとおりだと思う
 Không khớp Tôi không biết Tôi nghĩ là có

訂正の申入れをしましたか

- (4) Bạn có đề nghị đính chính lại bất cứ điều gì trong Biên bản đó ?

訂正に応じてくれない 申し入れていない 訂正に応じた
 Đề nghị bị bác bỏ Không đề nghị Đề nghị được đáp ứng

調書への署名をしましたか ?

- (5) Bạn có ký tên vào Biên bản không ? Không Có

取調べについてあなたが思ったこと、感じたことを書いてください

7. Bạn nghĩ gì về buổi thẩm vấn?

弁護人はあなたの正当な権利利益を守る立場で活動します。また、守秘義務がありますから、秘密が漏れることはありません。

*1 Luật sư sẽ làm việc để bảo vệ các quyền lợi chính đáng cho Bạn. Đồng thời, luật sư có nghĩa vụ phải bảo mật nên những bí mật của Bạn sẽ tuyệt đối không bị tiết lộ.

黙秘権が保障されていますので、取調官から供述を迫られても供述を拒否できます（憲法第38条第1項）。

*2 Quyền giữ im lặng là quyền lợi được bảo vệ, do đó Bạn có thể từ chối khai ngay cả khi bị người thẩm vấn thúc ép.
(theo Mục 1 Điều 38 của Hiến Pháp)

あなたは供述調書の記載内容を訂正するよう求めることができます（刑事訴訟法第198条第4項）。

*3 Bạn có quyền yêu cầu đính chính nội dung ghi trên biên bản thẩm vấn.
(theo Mục 4 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

供述調書に署名押印することは義務ではありません。内容の正誤・理由にかかわらず、拒否できます（刑事訴訟法第198条第5項）。

*4 Bạn không có nghĩa vụ phải ký tên đóng dấu vào Biên bản. Bạn được quyền từ chối bất kể vì lý do.
Biên bản không chính xác hay lý do gì khác. (theo Mục 5 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

作成日：月／日／年

署名

Ngày lập : Tháng/ngày/năm

Chữ ký

/ /

SỔ TAY NGHI PHẠM

取調日(月/日/年)
 1. Ngày thẩm vấn (tháng/ngày/năm) _____ / _____ / _____

時間 開始時間 終了時間
 Thời gian Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

場所 警察署 検察庁
 Địa điểm Đồn cảnh sát Văn phòng Công tố viên

取調官 (警察官、検察官) の氏名
 Tên người thẩm vấn (Cảnh sát viên/Công tố viên)
 (1) _____ (2) _____

取調べについて
 2. Chi tiết buổi thẩm vấn

黙秘権の告知はありましたか なし 覚えていない あり
 (1) Bạn đã được thông báo về quyền giữ im lặng? Không Không nhớ Có

録画はなされましたか なし あり
 (2) Buổi thẩm vấn có được ghi hình lại không? Không Có

暴行や脅迫はありましたか なし あり
 (3) Bạn có bị ngược đãi hay đe dọa không? Không Có

((3)が有りの場合) 具体的に書いてください
 Nếu trả lời có trong trường hợp (3), vui lòng mô tả chi tiết: _____

印象に残った取調官の言葉等があれば書いてください
 (4) Ghi chú lại những điều có ấn tượng mà người thẩm vấn nói với Bạn.

弁護人について何か言われたことがあれば書いてください
 (5) Người thẩm vấn có đề cập đến luật sư của Bạn không? Nếu có, ông ấy/bà ấy đã nói gì?

通訳について
 3. Về người phiên dịch :

通訳人の通訳する言葉は分かりましたか
 Bạn có hiểu những điều mà người phiên dịch nói?

分かった 分からないところがあった 分からなかった
 Có, tôi hiểu Đôi chỗ chưa hiểu Tôi không hiểu

取調事項について
 4. Về nội dung của buổi thẩm vấn :

どのような事項について取調べを受けましたか 身上関係 動機
 (1) Người thẩm vấn đã hỏi Bạn những gì? Lược sử cá nhân Động cơ

犯行状況 共犯関係 その他
 Chi tiết phạm tội Đồng phạm Những điều khác

具体的に書いてください
 (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

あなたの対応について

5. Câu trả lời của Bạn :

- あなたはどのような供述をしましたか 黙秘 否認 一部否認 自白
- (1) Bạn trả lời như thế nào? Giữ im lặng Phủ nhận Phủ nhận một phần Thừa nhận
- 具体的に書いてください
- (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

供述調書について

6. Về Biên bản

取調官は調書の文面を作成しましたか

- (1) Người thẩm vấn đã có lập Biên bản không ?

メモのみ 作成終了
 Chỉ ghi chú → Xem câu 7. Đã lập biên bản → Xem câu (2).

調書の読み聞かせはありましたか なし あり

- (2) Biên bản đó có được đọc cho Bạn nghe ? Không Có

あなたが供述したとおりに調書は作成されましたか

- (3) Nội dung Biên bản đó có khớp với lời khai của Bạn trong buổi thẩm vấn không ?

供述のとおりではない 分からない 供述のとおりだと思う
 Không khớp Tôi không biết Tôi nghĩ là có

訂正の申入れをしましたか

- (4) Bạn có đề nghị đính chính lại bất cứ điều gì trong Biên bản đó ?

訂正に応じてくれない 申し入れていない 訂正に応じた
 Đề nghị bị bác bỏ Không đề nghị Đề nghị được đáp ứng

調書への署名をしましたか ?

- (5) Bạn có ký tên vào Biên bản không ? Không Có

取調べについてあなたが思ったこと、感じたことを書いてください

7. Bạn nghĩ gì về buổi thẩm vấn?

弁護人はあなたの正当な権利利益を守る立場で活動します。また、守秘義務がありますから、秘密が漏れることはありません。

*1 Luật sư sẽ làm việc để bảo vệ các quyền lợi chính đáng cho Bạn. Đồng thời, luật sư có nghĩa vụ phải bảo mật nên những bí mật của Bạn sẽ tuyệt đối không bị tiết lộ.

黙秘権が保障されていますので、取調官から供述を迫られても供述を拒否できます（憲法第38条第1項）。

*2 Quyền giữ im lặng là quyền lợi được bảo vệ, do đó Bạn có thể từ chối khai ngay cả khi bị người thẩm vấn thúc ép.
(theo Mục 1 Điều 38 của Hiến Pháp)

あなたは供述調書の記載内容を訂正するよう求めることができます（刑事訴訟法第198条第4項）。

*3 Bạn có quyền yêu cầu đính chính nội dung ghi trên biên bản thẩm vấn.
(theo Mục 4 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

供述調書に署名押印することは義務ではありません。内容の正誤・理由にかかわらず、拒否できます（刑事訴訟法第198条第5項）。

*4 Bạn không có nghĩa vụ phải ký tên đóng dấu vào Biên bản. Bạn được quyền từ chối bất kể vì lý do.
Biên bản không chính xác hay lý do gì khác. (theo Mục 5 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

作成日：月／日／年

署名

Ngày lập : Tháng/ngày/năm

Chữ ký

/ /

SỔ TAY NGHI PHẠM

取調日(月/日/年)

1. Ngày thẩm vấn (tháng/ngày/năm) _____ / _____ / _____

時間 開始時間 終了時間
 Thời gian Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

場所 警察署 検察庁
 Địa điểm Đồn cảnh sát Văn phòng Công tố viên

取調官 (警察官、検察官) の氏名
 Tên người thẩm vấn (Cảnh sát viên/Công tố viên)

(1) _____ (2) _____

取調べについて

2. Chi tiết buổi thẩm vấn

黙秘権の告知はありましたか なし 覚えていない あり
 (1) Bạn đã được thông báo về quyền giữ im lặng? Không Không nhớ Có

録画はなされましたか なし あり
 (2) Buổi thẩm vấn có được ghi hình lại không? Không Có

暴行や脅迫はありましたか なし あり
 (3) Bạn có bị ngược đãi hay đe dọa không? Không Có

((3)が有りの場合) 具体的に書いてください
 Nếu trả lời có trong trường hợp (3), vui lòng mô tả chi tiết: _____

印象に残った取調官の言葉等があれば書いてください
 (4) Ghi chú lại những điều có ấn tượng mà người thẩm vấn nói với Bạn.

弁護人について何か言われたことがあれば書いてください
 (5) Người thẩm vấn có đề cập đến luật sư của Bạn không? Nếu có, ông ấy/bà ấy đã nói gì?

通訳について

3. Về người phiên dịch :

通訳人の通訳する言葉は分かりましたか
 Bạn có hiểu những điều mà người phiên dịch nói?

分かった 分からないところがあった 分からなかった
 Có, tôi hiểu Đôi chỗ chưa hiểu Tôi không hiểu

取調事項について

4. Về nội dung của buổi thẩm vấn :

どのような事項について取調べを受けましたか 身上関係 動機
 (1) Người thẩm vấn đã hỏi Bạn những gì? Lược sử cá nhân Động cơ

犯行状況 共犯関係 その他
 Chi tiết phạm tội Đồng phạm Những điều khác

具体的に書いてください
 (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

あなたの対応について

5. Câu trả lời của Bạn :

- あなたはどのような供述をしましたか 黙秘 否認 一部否認 自白
- (1) Bạn trả lời như thế nào? Giữ im lặng Phủ nhận Phủ nhận một phần Thừa nhận
- 具体的に書いてください
- (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

供述調書について

6. Về Biên bản

取調官は調書の文面を作成しましたか

- (1) Người thẩm vấn đã có lập Biên bản không ?

メモのみ 作成終了
 Chỉ ghi chú → Xem câu 7. Đã lập biên bản → Xem câu (2).

調書の読み聞かせはありましたか なし あり

- (2) Biên bản đó có được đọc cho Bạn nghe ? Không Có

あなたが供述したとおりに調書は作成されましたか

- (3) Nội dung Biên bản đó có khớp với lời khai của Bạn trong buổi thẩm vấn không ?

供述のとおりではない 分からない 供述のとおりだと思う
 Không khớp Tôi không biết Tôi nghĩ là có

訂正の申入れをしましたか

- (4) Bạn có đề nghị đính chính lại bất cứ điều gì trong Biên bản đó ?

訂正に応じてくれない 申し入れていない 訂正に応じた
 Đề nghị bị bác bỏ Không đề nghị Đề nghị được đáp ứng

調書への署名をしましたか ?

- (5) Bạn có ký tên vào Biên bản không ? Không Có

取調べについてあなたが思ったこと、感じたことを書いてください

7. Bạn nghĩ gì về buổi thẩm vấn?

弁護人はあなたの正当な権利利益を守る立場で活動します。また、守秘義務がありますから、秘密が漏れることはありません。

*1 Luật sư sẽ làm việc để bảo vệ các quyền lợi chính đáng cho Bạn. Đồng thời, luật sư có nghĩa vụ phải bảo mật nên những bí mật của Bạn sẽ tuyệt đối không bị tiết lộ.

黙秘権が保障されていますので、取調官から供述を迫られても供述を拒否できます（憲法第38条第1項）。

*2 Quyền giữ im lặng là quyền lợi được bảo vệ, do đó Bạn có thể từ chối khai ngay cả khi bị người thẩm vấn thúc ép.
(theo Mục 1 Điều 38 của Hiến Pháp)

あなたは供述調書の記載内容を訂正するよう求めることができます（刑事訴訟法第198条第4項）。

*3 Bạn có quyền yêu cầu đính chính nội dung ghi trên biên bản thẩm vấn.
(theo Mục 4 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

供述調書に署名押印することは義務ではありません。内容の正誤・理由にかかわらず、拒否できます（刑事訴訟法第198条第5項）。

*4 Bạn không có nghĩa vụ phải ký tên đóng dấu vào Biên bản. Bạn được quyền từ chối bất kể vì lý do.
Biên bản không chính xác hay lý do gì khác. (theo Mục 5 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

作成日：月／日／年

署名

Ngày lập : Tháng/ngày/năm

Chữ ký

/ /

SỔ TAY NGHI PHẠM

取調日(月/日/年)

1. Ngày thẩm vấn (tháng/ngày/năm) _____ / _____ / _____

時間 開始時間 終了時間
 Thời gian Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

場所 警察署 検察庁
 Địa điểm Đồn cảnh sát Văn phòng Công tố viên

取調官 (警察官、検察官) の氏名
 Tên người thẩm vấn (Cảnh sát viên/Công tố viên)

(1) _____ (2) _____

取調べについて

2. Chi tiết buổi thẩm vấn

黙秘権の告知はありましたか なし 覚えていない あり
 (1) Bạn đã được thông báo về quyền giữ im lặng? Không Không nhớ Có

録画はなされましたか なし あり
 (2) Buổi thẩm vấn có được ghi hình lại không? Không Có

暴行や脅迫はありましたか なし あり
 (3) Bạn có bị ngược đãi hay đe dọa không? Không Có

((3)が有りの場合) 具体的に書いてください
 Nếu trả lời có trong trường hợp (3), vui lòng mô tả chi tiết: _____

印象に残った取調官の言葉等があれば書いてください
 (4) Ghi chú lại những điều có ấn tượng mà người thẩm vấn nói với Bạn.

弁護人について何か言われたことがあれば書いてください
 (5) Người thẩm vấn có đề cập đến luật sư của Bạn không? Nếu có, ông ấy/bà ấy đã nói gì?

通訳について

3. Về người phiên dịch :

通訳人の通訳する言葉は分かりましたか
 Bạn có hiểu những điều mà người phiên dịch nói?

分かった 分からないところがあった 分からなかった
 Có, tôi hiểu Đôi chỗ chưa hiểu Tôi không hiểu

取調事項について

4. Về nội dung của buổi thẩm vấn :

どのような事項について取調べを受けましたか 身上関係 動機
 (1) Người thẩm vấn đã hỏi Bạn những gì? Lược sử cá nhân Động cơ

犯行状況 共犯関係 その他
 Chi tiết phạm tội Đồng phạm Những điều khác

具体的に書いてください
 (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

あなたの対応について

5. Câu trả lời của Bạn :

- あなたはどのような供述をしましたか 黙秘 否認 一部否認 自白
- (1) Bạn trả lời như thế nào? Giữ im lặng Phủ nhận Phủ nhận một phần Thừa nhận
- 具体的に書いてください
- (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

供述調書について

6. Về Biên bản

取調官は調書の文面を作成しましたか

- (1) Người thẩm vấn đã có lập Biên bản không ?

メモのみ 作成終了
 Chỉ ghi chú → Xem câu 7. Đã lập biên bản → Xem câu (2).

調書の読み聞かせはありましたか なし あり

- (2) Biên bản đó có được đọc cho Bạn nghe ? Không Có

あなたが供述したとおりに調書は作成されましたか

- (3) Nội dung Biên bản đó có khớp với lời khai của Bạn trong buổi thẩm vấn không ?

供述のとおりではない 分からない 供述のとおりだと思う
 Không khớp Tôi không biết Tôi nghĩ là có

訂正の申入れをしましたか

- (4) Bạn có đề nghị đính chính lại bất cứ điều gì trong Biên bản đó ?

訂正に応じてくれない 申し入れていない 訂正に応じた
 Đề nghị bị bác bỏ Không đề nghị Đề nghị được đáp ứng

調書への署名をしましたか ?

- (5) Bạn có ký tên vào Biên bản không ? Không Có

取調べについてあなたが思ったこと、感じたことを書いてください

7. Bạn nghĩ gì về buổi thẩm vấn?

弁護人はあなたの正当な権利利益を守る立場で活動します。また、守秘義務がありますから、秘密が漏れることはありません。

*1 Luật sư sẽ làm việc để bảo vệ các quyền lợi chính đáng cho Bạn. Đồng thời, luật sư có nghĩa vụ phải bảo mật nên những bí mật của Bạn sẽ tuyệt đối không bị tiết lộ.

黙秘権が保障されていますので、取調官から供述を迫られても供述を拒否できます（憲法第38条第1項）。

*2 Quyền giữ im lặng là quyền lợi được bảo vệ, do đó Bạn có thể từ chối khai ngay cả khi bị người thẩm vấn thúc ép.
(theo Mục 1 Điều 38 của Hiến Pháp)

あなたは供述調書の記載内容を訂正するよう求めることができます（刑事訴訟法第198条第4項）。

*3 Bạn có quyền yêu cầu đính chính nội dung ghi trên biên bản thẩm vấn.
(theo Mục 4 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

供述調書に署名押印することは義務ではありません。内容の正誤・理由にかかわらず、拒否できます（刑事訴訟法第198条第5項）。

*4 Bạn không có nghĩa vụ phải ký tên đóng dấu vào Biên bản. Bạn được quyền từ chối bất kể vì lý do.
Biên bản không chính xác hay lý do gì khác. (theo Mục 5 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

作成日：月／日／年

署名

Ngày lập : Tháng/ngày/năm

Chữ ký

/ /

SỔ TAY NGHI PHẠM

取調日(月/日/年)

1. Ngày thẩm vấn (tháng/ngày/năm) _____ / _____ / _____

時間 開始時間 終了時間
 Thời gian Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

場所 警察署 検察庁
 Địa điểm Đồn cảnh sát Văn phòng Công tố viên

取調官 (警察官、検察官) の氏名
 Tên người thẩm vấn (Cảnh sát viên/Công tố viên)

(1) _____ (2) _____

取調べについて

2. Chi tiết buổi thẩm vấn

黙秘権の告知はありましたか なし 覚えていない あり
 (1) Bạn đã được thông báo về quyền giữ im lặng? Không Không nhớ Có

録画はなされましたか なし あり
 (2) Buổi thẩm vấn có được ghi hình lại không? Không Có

暴行や脅迫はありましたか なし あり
 (3) Bạn có bị ngược đãi hay đe dọa không? Không Có

((3)が有りの場合) 具体的に書いてください
 Nếu trả lời có trong trường hợp (3), vui lòng mô tả chi tiết: _____

印象に残った取調官の言葉等があれば書いてください
 (4) Ghi chú lại những điều có ấn tượng mà người thẩm vấn nói với Bạn.

弁護人について何か言われたことがあれば書いてください
 (5) Người thẩm vấn có đề cập đến luật sư của Bạn không? Nếu có, ông ấy/bà ấy đã nói gì?

通訳について

3. Về người phiên dịch :

通訳人の通訳する言葉は分かりましたか
 Bạn có hiểu những điều mà người phiên dịch nói?

分かった 分からないところがあった 分からなかった
 Có, tôi hiểu Đôi chỗ chưa hiểu Tôi không hiểu

取調事項について

4. Về nội dung của buổi thẩm vấn :

どのような事項について取調べを受けましたか 身上関係 動機
 (1) Người thẩm vấn đã hỏi Bạn những gì? Lược sử cá nhân Động cơ

犯行状況 共犯関係 その他
 Chi tiết phạm tội Đồng phạm Những điều khác

具体的に書いてください
 (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

あなたの対応について

5. Câu trả lời của Bạn :

- あなたはどのような供述をしましたか 黙秘 否認 一部否認 自白
- (1) Bạn trả lời như thế nào? Giữ im lặng Phủ nhận Phủ nhận một phần Thừa nhận
- 具体的に書いてください
- (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

供述調書について

6. Về Biên bản

取調官は調書の文面を作成しましたか

- (1) Người thẩm vấn đã có lập Biên bản không ?

メモのみ 作成終了
 Chỉ ghi chú → Xem câu 7. Đã lập biên bản → Xem câu (2).

調書の読み聞かせはありましたか なし あり

- (2) Biên bản đó có được đọc cho Bạn nghe ? Không Có

あなたが供述したとおりに調書は作成されましたか

- (3) Nội dung Biên bản đó có khớp với lời khai của Bạn trong buổi thẩm vấn không ?

供述のとおりではない 分からない 供述のとおりだと思う
 Không khớp Tôi không biết Tôi nghĩ là có

訂正の申入れをしましたか

- (4) Bạn có đề nghị đính chính lại bất cứ điều gì trong Biên bản đó ?

訂正に応じてくれない 申し入れていない 訂正に応じた
 Đề nghị bị bác bỏ Không đề nghị Đề nghị được đáp ứng

調書への署名をしましたか ?

- (5) Bạn có ký tên vào Biên bản không ? Không Có

取調べについてあなたが思ったこと、感じたことを書いてください

7. Bạn nghĩ gì về buổi thẩm vấn?

弁護人はあなたの正当な権利利益を守る立場で活動します。また、守秘義務がありますから、秘密が漏れることはありません。

- *1 Luật sư sẽ làm việc để bảo vệ các quyền lợi chính đáng cho Bạn. Đồng thời, luật sư có nghĩa vụ phải bảo mật nên những bí mật của Bạn sẽ tuyệt đối không bị tiết lộ.

黙秘権が保障されていますので、取調官から供述を迫られても供述を拒否できます（憲法第38条第1項）。

- *2 Quyền giữ im lặng là quyền lợi được bảo vệ, do đó Bạn có thể từ chối khai ngay cả khi bị người thẩm vấn thúc ép.
(theo Mục 1 Điều 38 của Hiến Pháp)

あなたは供述調書の記載内容を訂正するよう求めることができます（刑事訴訟法第198条第4項）。

- *3 Bạn có quyền yêu cầu đính chính nội dung ghi trên biên bản thẩm vấn.
(theo Mục 4 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

供述調書に署名押印することは義務ではありません。内容の正誤・理由にかかわらず、拒否できます（刑事訴訟法第198条第5項）。

- *4 Bạn không có nghĩa vụ phải ký tên đóng dấu vào Biên bản. Bạn được quyền từ chối bất kể vì lý do.
Biên bản không chính xác hay lý do gì khác. (theo Mục 5 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

作成日：月／日／年

署名

Ngày lập : Tháng/ngày/năm

Chữ ký

/ /

SỔ TAY NGHI PHẠM

取調日(月/日/年)

1. Ngày thẩm vấn (tháng/ngày/năm) _____ / _____ / _____

時間 開始時間 終了時間
 Thời gian Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

場所 警察署 検察庁
 Địa điểm Đồn cảnh sát Văn phòng Công tố viên

取調官 (警察官、検察官) の氏名
 Tên người thẩm vấn (Cảnh sát viên/Công tố viên)

(1) _____ (2) _____

取調べについて

2. Chi tiết buổi thẩm vấn

黙秘権の告知はありましたか なし 覚えていない あり
 (1) Bạn đã được thông báo về quyền giữ im lặng? Không Không nhớ Có

録画はなされましたか なし あり
 (2) Buổi thẩm vấn có được ghi hình lại không? Không Có

暴行や脅迫はありましたか なし あり
 (3) Bạn có bị ngược đãi hay đe dọa không? Không Có

((3)が有りの場合) 具体的に書いてください
 Nếu trả lời có trong trường hợp (3), vui lòng mô tả chi tiết: _____

印象に残った取調官の言葉等があれば書いてください
 (4) Ghi chú lại những điều có ấn tượng mà người thẩm vấn nói với Bạn.

弁護人について何か言われたことがあれば書いてください
 (5) Người thẩm vấn có đề cập đến luật sư của Bạn không? Nếu có, ông ấy/bà ấy đã nói gì?

通訳について

3. Về người phiên dịch :

通訳人の通訳する言葉は分かりましたか
 Bạn có hiểu những điều mà người phiên dịch nói?

分かった 分からないところがあった 分からなかった
 Có, tôi hiểu Đôi chỗ chưa hiểu Tôi không hiểu

取調事項について

4. Về nội dung của buổi thẩm vấn :

どのような事項について取調べを受けましたか 身上関係 動機
 (1) Người thẩm vấn đã hỏi Bạn những gì? Lược sử cá nhân Động cơ

犯行状況 共犯関係 その他
 Chi tiết phạm tội Đồng phạm Những điều khác

具体的に書いてください
 (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

あなたの対応について

5. Câu trả lời của Bạn :

- あなたはどのような供述をしましたか 黙秘 否認 一部否認 自白
- (1) Bạn trả lời như thế nào? Giữ im lặng Phủ nhận Phủ nhận một phần Thừa nhận
- 具体的に書いてください
- (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

供述調書について

6. Về Biên bản

取調官は調書の文面を作成しましたか

- (1) Người thẩm vấn đã có lập Biên bản không ?

メモのみ 作成終了
 Chỉ ghi chú → Xem câu 7. Đã lập biên bản → Xem câu (2).

調書の読み聞かせはありましたか なし あり

- (2) Biên bản đó có được đọc cho Bạn nghe ? Không Có

あなたが供述したとおりに調書は作成されましたか

- (3) Nội dung Biên bản đó có khớp với lời khai của Bạn trong buổi thẩm vấn không ?

供述のとおりではない 分からない 供述のとおりだと思う
 Không khớp Tôi không biết Tôi nghĩ là có

訂正の申入れをしましたか

- (4) Bạn có đề nghị đính chính lại bất cứ điều gì trong Biên bản đó ?

訂正に応じてくれない 申し入れていない 訂正に応じた
 Đề nghị bị bác bỏ Không đề nghị Đề nghị được đáp ứng

調書への署名をしましたか ?

- (5) Bạn có ký tên vào Biên bản không ? Không Có

取調べについてあなたが思ったこと、感じたことを書いてください

7. Bạn nghĩ gì về buổi thẩm vấn?

弁護人はあなたの正当な権利利益を守る立場で活動します。また、守秘義務がありますから、秘密が漏れることはありません。

*1 Luật sư sẽ làm việc để bảo vệ các quyền lợi chính đáng cho Bạn. Đồng thời, luật sư có nghĩa vụ phải bảo mật nên những bí mật của Bạn sẽ tuyệt đối không bị tiết lộ.

黙秘権が保障されていますので、取調官から供述を迫られても供述を拒否できます（憲法第38条第1項）。

*2 Quyền giữ im lặng là quyền lợi được bảo vệ, do đó Bạn có thể từ chối khai ngay cả khi bị người thẩm vấn thúc ép.
(theo Mục 1 Điều 38 của Hiến Pháp)

あなたは供述調書の記載内容を訂正するよう求めることができます（刑事訴訟法第198条第4項）。

*3 Bạn có quyền yêu cầu đính chính nội dung ghi trên biên bản thẩm vấn.
(theo Mục 4 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

供述調書に署名押印することは義務ではありません。内容の正誤・理由にかかわらず、拒否できます（刑事訴訟法第198条第5項）。

*4 Bạn không có nghĩa vụ phải ký tên đóng dấu vào Biên bản. Bạn được quyền từ chối bất kể vì lý do.
Biên bản không chính xác hay lý do gì khác. (theo Mục 5 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

作成日：月／日／年

署名

Ngày lập : Tháng/ngày/năm

Chữ ký

/ /

SỔ TAY NGHI PHẠM

取調日(月/日/年)
 1. Ngày thẩm vấn (tháng/ngày/năm) _____ / _____ / _____

時間 開始時間 終了時間
 Thời gian Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

場所 警察署 検察庁
 Địa điểm Đồn cảnh sát Văn phòng Công tố viên

取調官 (警察官、検察官) の氏名
 Tên người thẩm vấn (Cảnh sát viên/Công tố viên)
 (1) _____ (2) _____

取調べについて
 2. Chi tiết buổi thẩm vấn

黙秘権の告知はありましたか なし 覚えていない あり
 (1) Bạn đã được thông báo về quyền giữ im lặng? Không Không nhớ Có

録画はなされましたか なし あり
 (2) Buổi thẩm vấn có được ghi hình lại không? Không Có

暴行や脅迫はありましたか なし あり
 (3) Bạn có bị ngược đãi hay đe dọa không? Không Có

((3)が有りの場合) 具体的に書いてください
 Nếu trả lời có trong trường hợp (3), vui lòng mô tả chi tiết: _____

印象に残った取調官の言葉等があれば書いてください
 (4) Ghi chú lại những điều có ấn tượng mà người thẩm vấn nói với Bạn.

弁護人について何か言われたことがあれば書いてください
 (5) Người thẩm vấn có đề cập đến luật sư của Bạn không? Nếu có, ông ấy/bà ấy đã nói gì?

通訳について
 3. Về người phiên dịch :

通訳人の通訳する言葉は分かりましたか
 Bạn có hiểu những điều mà người phiên dịch nói?

分かった 分からないところがあった 分からなかった
 Có, tôi hiểu Đôi chỗ chưa hiểu Tôi không hiểu

取調事項について
 4. Về nội dung của buổi thẩm vấn :

どのような事項について取調べを受けましたか 身上関係 動機
 (1) Người thẩm vấn đã hỏi Bạn những gì? Lược sử cá nhân Động cơ

犯行状況 共犯関係 その他
 Chi tiết phạm tội Đồng phạm Những điều khác

具体的に書いてください
 (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

あなたの対応について

5. Câu trả lời của Bạn :

- あなたはどのような供述をしましたか 黙秘 否認 一部否認 自白
- (1) Bạn trả lời như thế nào? Giữ im lặng Phủ nhận Phủ nhận một phần Thừa nhận
- 具体的に書いてください
- (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

供述調書について

6. Về Biên bản

取調官は調書の文面を作成しましたか

- (1) Người thẩm vấn đã có lập Biên bản không ?

メモのみ 作成終了
 Chỉ ghi chú → Xem câu 7. Đã lập biên bản → Xem câu (2).

調書の読み聞かせはありましたか なし あり

- (2) Biên bản đó có được đọc cho Bạn nghe ? Không Có

あなたが供述したとおりに調書は作成されましたか

- (3) Nội dung Biên bản đó có khớp với lời khai của Bạn trong buổi thẩm vấn không ?

供述のとおりではない 分からない 供述のとおりだと思う
 Không khớp Tôi không biết Tôi nghĩ là có

訂正の申入れをしましたか

- (4) Bạn có đề nghị đính chính lại bất cứ điều gì trong Biên bản đó ?

訂正に応じてくれない 申し入れていない 訂正に応じた
 Đề nghị bị bác bỏ Không đề nghị Đề nghị được đáp ứng

調書への署名をしましたか ?

- (5) Bạn có ký tên vào Biên bản không ? Không Có

取調べについてあなたが思ったこと、感じたことを書いてください

7. Bạn nghĩ gì về buổi thẩm vấn?

弁護人はあなたの正当な権利利益を守る立場で活動します。また、守秘義務がありますから、秘密が漏れることはありません。

*1 Luật sư sẽ làm việc để bảo vệ các quyền lợi chính đáng cho Bạn. Đồng thời, luật sư có nghĩa vụ phải bảo mật nên những bí mật của Bạn sẽ tuyệt đối không bị tiết lộ.

黙秘権が保障されていますので、取調官から供述を迫られても供述を拒否できます（憲法第38条第1項）。

*2 Quyền giữ im lặng là quyền lợi được bảo vệ, do đó Bạn có thể từ chối khai ngay cả khi bị người thẩm vấn thúc ép.
(theo Mục 1 Điều 38 của Hiến Pháp)

あなたは供述調書の記載内容を訂正するよう求めることができます（刑事訴訟法第198条第4項）。

*3 Bạn có quyền yêu cầu đính chính nội dung ghi trên biên bản thẩm vấn.
(theo Mục 4 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

供述調書に署名押印することは義務ではありません。内容の正誤・理由にかかわらず、拒否できます（刑事訴訟法第198条第5項）。

*4 Bạn không có nghĩa vụ phải ký tên đóng dấu vào Biên bản. Bạn được quyền từ chối bất kể vì lý do.
Biên bản không chính xác hay lý do gì khác. (theo Mục 5 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

作成日：月／日／年

署名

Ngày lập : Tháng/ngày/năm

Chữ ký

/ /

SỔ TAY NGHI PHẠM

取調日(月/日/年)
 1. Ngày thẩm vấn (tháng/ngày/năm) _____ / _____ / _____

時間 開始時間 終了時間
 Thời gian Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

場所 警察署 検察庁
 Địa điểm Đồn cảnh sát Văn phòng Công tố viên

取調官 (警察官、検察官) の氏名
 Tên người thẩm vấn (Cảnh sát viên/Công tố viên)
 (1) _____ (2) _____

取調べについて
 2. Chi tiết buổi thẩm vấn

黙秘権の告知はありましたか なし 覚えていない あり
 (1) Bạn đã được thông báo về quyền giữ im lặng? Không Không nhớ Có

録画はなされましたか なし あり
 (2) Buổi thẩm vấn có được ghi hình lại không? Không Có

暴行や脅迫はありましたか なし あり
 (3) Bạn có bị ngược đãi hay đe dọa không? Không Có

((3)が有りの場合) 具体的に書いてください
 Nếu trả lời có trong trường hợp (3), vui lòng mô tả chi tiết: _____

印象に残った取調官の言葉等があれば書いてください
 (4) Ghi chú lại những điều có ấn tượng mà người thẩm vấn nói với Bạn.

弁護人について何か言われたことがあれば書いてください
 (5) Người thẩm vấn có đề cập đến luật sư của Bạn không? Nếu có, ông ấy/bà ấy đã nói gì?

通訳について
 3. Về người phiên dịch :

通訳人の通訳する言葉は分かりましたか
 Bạn có hiểu những điều mà người phiên dịch nói?

分かった 分からないところがあった 分からなかった
 Có, tôi hiểu Đôi chỗ chưa hiểu Tôi không hiểu

取調事項について
 4. Về nội dung của buổi thẩm vấn :

どのような事項について取調べを受けましたか 身上関係 動機
 (1) Người thẩm vấn đã hỏi Bạn những gì? Lược sử cá nhân Động cơ

犯行状況 共犯関係 その他
 Chi tiết phạm tội Đồng phạm Những điều khác

具体的に書いてください
 (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

あなたの対応について

5. Câu trả lời của Bạn :

- あなたはどのような供述をしましたか 黙秘 否認 一部否認 自白
- (1) Bạn trả lời như thế nào? Giữ im lặng Phủ nhận Phủ nhận một phần Thừa nhận
- 具体的に書いてください
- (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

供述調書について

6. Về Biên bản

取調官は調書の文面を作成しましたか

- (1) Người thẩm vấn đã có lập Biên bản không ?

メモのみ 作成終了
 Chỉ ghi chú → Xem câu 7. Đã lập biên bản → Xem câu (2).

調書の読み聞かせはありましたか なし あり

- (2) Biên bản đó có được đọc cho Bạn nghe ? Không Có

あなたが供述したとおりに調書は作成されましたか

- (3) Nội dung Biên bản đó có khớp với lời khai của Bạn trong buổi thẩm vấn không ?

供述のとおりではない 分からない 供述のとおりだと思う
 Không khớp Tôi không biết Tôi nghĩ là có

訂正の申入れをしましたか

- (4) Bạn có đề nghị đính chính lại bất cứ điều gì trong Biên bản đó ?

訂正に応じてくれない 申し入れていない 訂正に応じた
 Đề nghị bị bác bỏ Không đề nghị Đề nghị được đáp ứng

調書への署名をしましたか ?

- (5) Bạn có ký tên vào Biên bản không ? Không Có

取調べについてあなたが思ったこと、感じたことを書いてください

7. Bạn nghĩ gì về buổi thẩm vấn?

弁護人はあなたの正当な権利利益を守る立場で活動します。また、守秘義務がありますから、秘密が漏れることはありません。

*1 Luật sư sẽ làm việc để bảo vệ các quyền lợi chính đáng cho Bạn. Đồng thời, luật sư có nghĩa vụ phải bảo mật nên những bí mật của Bạn sẽ tuyệt đối không bị tiết lộ.

黙秘権が保障されていますので、取調官から供述を迫られても供述を拒否できます（憲法第38条第1項）。

*2 Quyền giữ im lặng là quyền lợi được bảo vệ, do đó Bạn có thể từ chối khai ngay cả khi bị người thẩm vấn thúc ép.
(theo Mục 1 Điều 38 của Hiến Pháp)

あなたは供述調書の記載内容を訂正するよう求めることができます（刑事訴訟法第198条第4項）。

*3 Bạn có quyền yêu cầu đính chính nội dung ghi trên biên bản thẩm vấn.
(theo Mục 4 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

供述調書に署名押印することは義務ではありません。内容の正誤・理由にかかわらず、拒否できます（刑事訴訟法第198条第5項）。

*4 Bạn không có nghĩa vụ phải ký tên đóng dấu vào Biên bản. Bạn được quyền từ chối bất kể vì lý do.
Biên bản không chính xác hay lý do gì khác. (theo Mục 5 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

作成日：月／日／年

署名

Ngày lập : Tháng/ngày/năm

Chữ ký

/ /

SỔ TAY NGHI PHẠM

取調日(月/日/年)
 1. Ngày thẩm vấn (tháng/ngày/năm) _____ / _____ / _____

時間 開始時間 終了時間
 Thời gian Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

場所 警察署 検察庁
 Địa điểm Đồn cảnh sát Văn phòng Công tố viên

取調官 (警察官、検察官) の氏名
 Tên người thẩm vấn (Cảnh sát viên/Công tố viên)
 (1) _____ (2) _____

取調べについて
 2. Chi tiết buổi thẩm vấn

黙秘権の告知はありましたか なし 覚えていない あり
 (1) Bạn đã được thông báo về quyền giữ im lặng? Không Không nhớ Có

録画はなされましたか なし あり
 (2) Buổi thẩm vấn có được ghi hình lại không? Không Có

暴行や脅迫はありましたか なし あり
 (3) Bạn có bị ngược đãi hay đe dọa không? Không Có

((3)が有りの場合) 具体的に書いてください
 Nếu trả lời có trong trường hợp (3), vui lòng mô tả chi tiết: _____

印象に残った取調官の言葉等があれば書いてください
 (4) Ghi chú lại những điều có ấn tượng mà người thẩm vấn nói với Bạn.

弁護人について何か言われたことがあれば書いてください
 (5) Người thẩm vấn có đề cập đến luật sư của Bạn không? Nếu có, ông ấy/bà ấy đã nói gì?

通訳について
 3. Về người phiên dịch :

通訳人の通訳する言葉は分かりましたか
 Bạn có hiểu những điều mà người phiên dịch nói?

分かった 分からないところがあった 分からなかった
 Có, tôi hiểu Đôi chỗ chưa hiểu Tôi không hiểu

取調事項について
 4. Về nội dung của buổi thẩm vấn :

どのような事項について取調べを受けましたか 身上関係 動機
 (1) Người thẩm vấn đã hỏi Bạn những gì? Lược sử cá nhân Động cơ

犯行状況 共犯関係 その他
 Chi tiết phạm tội Đồng phạm Những điều khác

具体的に書いてください
 (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

あなたの対応について

5. Câu trả lời của Bạn :

- あなたはどのような供述をしましたか 黙秘 否認 一部否認 自白
- (1) Bạn trả lời như thế nào? Giữ im lặng Phủ nhận Phủ nhận một phần Thừa nhận
- 具体的に書いてください
- (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

供述調書について

6. Về Biên bản

取調官は調書の文面を作成しましたか

- (1) Người thẩm vấn đã có lập Biên bản không ?

メモのみ 作成終了
 Chỉ ghi chú → Xem câu 7. Đã lập biên bản → Xem câu (2).

調書の読み聞かせはありましたか なし あり

- (2) Biên bản đó có được đọc cho Bạn nghe ? Không Có

あなたが供述したとおりに調書は作成されましたか

- (3) Nội dung Biên bản đó có khớp với lời khai của Bạn trong buổi thẩm vấn không ?

供述のとおりではない 分からない 供述のとおりだと思う
 Không khớp Tôi không biết Tôi nghĩ là có

訂正の申入れをしましたか

- (4) Bạn có đề nghị đính chính lại bất cứ điều gì trong Biên bản đó ?

訂正に応じてくれない 申し入れていない 訂正に応じた
 Đề nghị bị bác bỏ Không đề nghị Đề nghị được đáp ứng

調書への署名をしましたか ?

- (5) Bạn có ký tên vào Biên bản không ? Không Có

取調べについてあなたが思ったこと、感じたことを書いてください

7. Bạn nghĩ gì về buổi thẩm vấn?

弁護人はあなたの正当な権利利益を守る立場で活動します。また、守秘義務がありますから、秘密が漏れることはありません。

- *1 Luật sư sẽ làm việc để bảo vệ các quyền lợi chính đáng cho Bạn. Đồng thời, luật sư có nghĩa vụ phải bảo mật nên những bí mật của Bạn sẽ tuyệt đối không bị tiết lộ.

黙秘権が保障されていますので、取調官から供述を迫られても供述を拒否できます（憲法第38条第1項）。

- *2 Quyền giữ im lặng là quyền lợi được bảo vệ, do đó Bạn có thể từ chối khai ngay cả khi bị người thẩm vấn thúc ép.
(theo Mục 1 Điều 38 của Hiến Pháp)

あなたは供述調書の記載内容を訂正するよう求めることができます（刑事訴訟法第198条第4項）。

- *3 Bạn có quyền yêu cầu đính chính nội dung ghi trên biên bản thẩm vấn.
(theo Mục 4 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

供述調書に署名押印することは義務ではありません。内容の正誤・理由にかかわらず、拒否できます（刑事訴訟法第198条第5項）。

- *4 Bạn không có nghĩa vụ phải ký tên đóng dấu vào Biên bản. Bạn được quyền từ chối bất kể vì lý do.
Biên bản không chính xác hay lý do gì khác. (theo Mục 5 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

作成日：月／日／年

署名

Ngày lập : Tháng/ngày/năm

Chữ ký

/ /

SỔ TAY NGHI PHẠM

取調日(月/日/年)
 1. Ngày thẩm vấn (tháng/ngày/năm) _____ / _____ / _____

時間 開始時間 終了時間
 Thời gian Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

場所 警察署 検察庁
 Địa điểm Đồn cảnh sát Văn phòng Công tố viên

取調官 (警察官、検察官) の氏名
 Tên người thẩm vấn (Cảnh sát viên/Công tố viên)
 (1) _____ (2) _____

取調べについて
 2. Chi tiết buổi thẩm vấn

黙秘権の告知はありましたか なし 覚えていない あり
 (1) Bạn đã được thông báo về quyền giữ im lặng? Không Không nhớ Có

録画はなされましたか なし あり
 (2) Buổi thẩm vấn có được ghi hình lại không? Không Có

暴行や脅迫はありましたか なし あり
 (3) Bạn có bị ngược đãi hay đe dọa không? Không Có

((3)が有りの場合) 具体的に書いてください
 Nếu trả lời có trong trường hợp (3), vui lòng mô tả chi tiết: _____

印象に残った取調官の言葉等があれば書いてください
 (4) Ghi chú lại những điều có ấn tượng mà người thẩm vấn nói với Bạn.

弁護人について何か言われたことがあれば書いてください
 (5) Người thẩm vấn có đề cập đến luật sư của Bạn không? Nếu có, ông ấy/bà ấy đã nói gì?

通訳について
 3. Về người phiên dịch :

通訳人の通訳する言葉は分かりましたか
 Bạn có hiểu những điều mà người phiên dịch nói?

分かった 分からないところがあった 分からなかった
 Có, tôi hiểu Đôi chỗ chưa hiểu Tôi không hiểu

取調事項について
 4. Về nội dung của buổi thẩm vấn :

どのような事項について取調べを受けましたか 身上関係 動機
 (1) Người thẩm vấn đã hỏi Bạn những gì? Lược sử cá nhân Động cơ

犯行状況 共犯関係 その他
 Chi tiết phạm tội Đồng phạm Những điều khác

具体的に書いてください
 (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

あなたの対応について

5. Câu trả lời của Bạn :

- あなたはどのような供述をしましたか 黙秘 否認 一部否認 自白
- (1) Bạn trả lời như thế nào? Giữ im lặng Phủ nhận Phủ nhận một phần Thừa nhận
- 具体的に書いてください
- (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

供述調書について

6. Về Biên bản

取調官は調書の文面を作成しましたか

- (1) Người thẩm vấn đã có lập Biên bản không ?

メモのみ 作成終了
 Chỉ ghi chú → Xem câu 7. Đã lập biên bản → Xem câu (2).

調書の読み聞かせはありましたか なし あり

- (2) Biên bản đó có được đọc cho Bạn nghe ? Không Có

あなたが供述したとおりに調書は作成されましたか

- (3) Nội dung Biên bản đó có khớp với lời khai của Bạn trong buổi thẩm vấn không ?

供述のとおりではない 分からない 供述のとおりだと思う
 Không khớp Tôi không biết Tôi nghĩ là có

訂正の申入れをしましたか

- (4) Bạn có đề nghị đính chính lại bất cứ điều gì trong Biên bản đó ?

訂正に応じてくれない 申し入れていない 訂正に応じた
 Đề nghị bị bác bỏ Không đề nghị Đề nghị được đáp ứng

調書への署名をしましたか ?

- (5) Bạn có ký tên vào Biên bản không ? Không Có

取調べについてあなたが思ったこと、感じたことを書いてください

7. Bạn nghĩ gì về buổi thẩm vấn?

弁護人はあなたの正当な権利利益を守る立場で活動します。また、守秘義務がありますから、秘密が漏れることはありません。

*1 Luật sư sẽ làm việc để bảo vệ các quyền lợi chính đáng cho Bạn. Đồng thời, luật sư có nghĩa vụ phải bảo mật nên những bí mật của Bạn sẽ tuyệt đối không bị tiết lộ.

黙秘権が保障されていますので、取調官から供述を迫られても供述を拒否できます（憲法第38条第1項）。

*2 Quyền giữ im lặng là quyền lợi được bảo vệ, do đó Bạn có thể từ chối khai ngay cả khi bị người thẩm vấn thúc ép.
(theo Mục 1 Điều 38 của Hiến Pháp)

あなたは供述調書の記載内容を訂正するよう求めることができます（刑事訴訟法第198条第4項）。

*3 Bạn có quyền yêu cầu đính chính nội dung ghi trên biên bản thẩm vấn.
(theo Mục 4 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

供述調書に署名押印することは義務ではありません。内容の正誤・理由にかかわらず、拒否できます（刑事訴訟法第198条第5項）。

*4 Bạn không có nghĩa vụ phải ký tên đóng dấu vào Biên bản. Bạn được quyền từ chối bất kể vì lý do.
Biên bản không chính xác hay lý do gì khác. (theo Mục 5 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

作成日：月／日／年

署名

Ngày lập : Tháng/ngày/năm

Chữ ký

/ /

SỔ TAY NGHI PHẠM

取調日(月/日/年)

1. Ngày thẩm vấn (tháng/ngày/năm) _____ / _____ / _____

時間 開始時間 終了時間
 Thời gian Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

場所 警察署 検察庁
 Địa điểm Đồn cảnh sát Văn phòng Công tố viên

取調官 (警察官、検察官) の氏名
 Tên người thẩm vấn (Cảnh sát viên/Công tố viên)

(1) _____ (2) _____

取調べについて

2. Chi tiết buổi thẩm vấn

黙秘権の告知はありましたか なし 覚えていない あり
 (1) Bạn đã được thông báo về quyền giữ im lặng? Không Không nhớ Có

録画はなされましたか なし あり
 (2) Buổi thẩm vấn có được ghi hình lại không? Không Có

暴行や脅迫はありましたか なし あり
 (3) Bạn có bị ngược đãi hay đe dọa không? Không Có

((3)が有りの場合) 具体的に書いてください
 Nếu trả lời có trong trường hợp (3), vui lòng mô tả chi tiết: _____

印象に残った取調官の言葉等があれば書いてください
 (4) Ghi chú lại những điều có ấn tượng mà người thẩm vấn nói với Bạn.

弁護人について何か言われたことがあれば書いてください
 (5) Người thẩm vấn có đề cập đến luật sư của Bạn không? Nếu có, ông ấy/bà ấy đã nói gì?

通訳について

3. Về người phiên dịch :

通訳人の通訳する言葉は分かりましたか
 Bạn có hiểu những điều mà người phiên dịch nói?

分かった 分からないところがあった 分からなかった
 Có, tôi hiểu Đôi chỗ chưa hiểu Tôi không hiểu

取調事項について

4. Về nội dung của buổi thẩm vấn :

どのような事項について取調べを受けましたか 身上関係 動機
 (1) Người thẩm vấn đã hỏi Bạn những gì? Lược sử cá nhân Động cơ

犯行状況 共犯関係 その他
 Chi tiết phạm tội Đồng phạm Những điều khác

具体的に書いてください
 (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

あなたの対応について

5. Câu trả lời của Bạn :

- あなたはどのような供述をしましたか 黙秘 否認 一部否認 自白
- (1) Bạn trả lời như thế nào? Giữ im lặng Phủ nhận Phủ nhận một phần Thừa nhận
- 具体的に書いてください
- (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

供述調書について

6. Về Biên bản

取調官は調書の文面を作成しましたか

- (1) Người thẩm vấn đã có lập Biên bản không ?

メモのみ 作成終了
 Chỉ ghi chú → Xem câu 7. Đã lập biên bản → Xem câu (2).

調書の読み聞かせはありましたか なし あり

- (2) Biên bản đó có được đọc cho Bạn nghe ? Không Có

あなたが供述したとおりに調書は作成されましたか

- (3) Nội dung Biên bản đó có khớp với lời khai của Bạn trong buổi thẩm vấn không ?

供述のとおりではない 分からない 供述のとおりだと思う
 Không khớp Tôi không biết Tôi nghĩ là có

訂正の申入れをしましたか

- (4) Bạn có đề nghị đính chính lại bất cứ điều gì trong Biên bản đó ?

訂正に応じてくれない 申し入れていない 訂正に応じた
 Đề nghị bị bác bỏ Không đề nghị Đề nghị được đáp ứng

調書への署名をしましたか ?

- (5) Bạn có ký tên vào Biên bản không ? Không Có

取調べについてあなたが思ったこと、感じたことを書いてください

7. Bạn nghĩ gì về buổi thẩm vấn?

弁護人はあなたの正当な権利利益を守る立場で活動します。また、守秘義務がありますから、秘密が漏れることはありません。

*1 Luật sư sẽ làm việc để bảo vệ các quyền lợi chính đáng cho Bạn. Đồng thời, luật sư có nghĩa vụ phải bảo mật nên những bí mật của Bạn sẽ tuyệt đối không bị tiết lộ.

黙秘権が保障されていますので、取調官から供述を迫られても供述を拒否できます（憲法第38条第1項）。

*2 Quyền giữ im lặng là quyền lợi được bảo vệ, do đó Bạn có thể từ chối khai ngay cả khi bị người thẩm vấn thúc ép.
(theo Mục 1 Điều 38 của Hiến Pháp)

あなたは供述調書の記載内容を訂正するよう求めることができます（刑事訴訟法第198条第4項）。

*3 Bạn có quyền yêu cầu đính chính nội dung ghi trên biên bản thẩm vấn.
(theo Mục 4 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

供述調書に署名押印することは義務ではありません。内容の正誤・理由にかかわらず、拒否できます（刑事訴訟法第198条第5項）。

*4 Bạn không có nghĩa vụ phải ký tên đóng dấu vào Biên bản. Bạn được quyền từ chối bất kể vì lý do.
Biên bản không chính xác hay lý do gì khác. (theo Mục 5 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

作成日：月／日／年

署名

Ngày lập : Tháng/ngày/năm

Chữ ký

/ /

SỔ TAY NGHI PHẠM

取調日(月/日/年)
 1. Ngày thẩm vấn (tháng/ngày/năm) _____ / _____ / _____

時間 開始時間 終了時間
 Thời gian Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

場所 警察署 検察庁
 Địa điểm Đồn cảnh sát Văn phòng Công tố viên

取調官 (警察官、検察官) の氏名
 Tên người thẩm vấn (Cảnh sát viên/Công tố viên)
 (1) _____ (2) _____

取調べについて
 2. Chi tiết buổi thẩm vấn

黙秘権の告知はありましたか なし 覚えていない あり
 (1) Bạn đã được thông báo về quyền giữ im lặng? Không Không nhớ Có

録画はなされましたか なし あり
 (2) Buổi thẩm vấn có được ghi hình lại không? Không Có

暴行や脅迫はありましたか なし あり
 (3) Bạn có bị ngược đãi hay đe dọa không? Không Có

((3)が有りの場合) 具体的に書いてください
 Nếu trả lời có trong trường hợp (3), vui lòng mô tả chi tiết: _____

印象に残った取調官の言葉等があれば書いてください
 (4) Ghi chú lại những điều có ấn tượng mà người thẩm vấn nói với Bạn.

弁護人について何か言われたことがあれば書いてください
 (5) Người thẩm vấn có đề cập đến luật sư của Bạn không? Nếu có, ông ấy/bà ấy đã nói gì?

通訳について
 3. Về người phiên dịch :

通訳人の通訳する言葉は分かりましたか
 Bạn có hiểu những điều mà người phiên dịch nói?

分かった 分からないところがあった 分からなかった
 Có, tôi hiểu Đôi chỗ chưa hiểu Tôi không hiểu

取調事項について
 4. Về nội dung của buổi thẩm vấn :

どのような事項について取調べを受けましたか 身上関係 動機
 (1) Người thẩm vấn đã hỏi Bạn những gì? Lược sử cá nhân Động cơ

犯行状況 共犯関係 その他
 Chi tiết phạm tội Đồng phạm Những điều khác

具体的に書いてください
 (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

あなたの対応について

5. Câu trả lời của Bạn :

- あなたはどのような供述をしましたか 黙秘 否認 一部否認 自白
- (1) Bạn trả lời như thế nào? Giữ im lặng Phủ nhận Phủ nhận một phần Thừa nhận
- 具体的に書いてください
- (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

供述調書について

6. Về Biên bản

取調官は調書の文面を作成しましたか

- (1) Người thẩm vấn đã có lập Biên bản không ?

メモのみ 作成終了
 Chỉ ghi chú → Xem câu 7. Đã lập biên bản → Xem câu (2).

調書の読み聞かせはありましたか なし あり

- (2) Biên bản đó có được đọc cho Bạn nghe ? Không Có

あなたが供述したとおりに調書は作成されましたか

- (3) Nội dung Biên bản đó có khớp với lời khai của Bạn trong buổi thẩm vấn không ?

供述のとおりではない 分からない 供述のとおりだと思う
 Không khớp Tôi không biết Tôi nghĩ là có

訂正の申入れをしましたか

- (4) Bạn có đề nghị đính chính lại bất cứ điều gì trong Biên bản đó ?

訂正に応じてくれない 申し入れていない 訂正に応じた
 Đề nghị bị bác bỏ Không đề nghị Đề nghị được đáp ứng

調書への署名をしましたか ?

- (5) Bạn có ký tên vào Biên bản không ? Không Có

取調べについてあなたが思ったこと、感じたことを書いてください

7. Bạn nghĩ gì về buổi thẩm vấn?

弁護人はあなたの正当な権利利益を守る立場で活動します。また、守秘義務がありますから、秘密が漏れることはありません。

*1 Luật sư sẽ làm việc để bảo vệ các quyền lợi chính đáng cho Bạn. Đồng thời, luật sư có nghĩa vụ phải bảo mật nên những bí mật của Bạn sẽ tuyệt đối không bị tiết lộ.

黙秘権が保障されていますので、取調官から供述を迫られても供述を拒否できます（憲法第38条第1項）。

*2 Quyền giữ im lặng là quyền lợi được bảo vệ, do đó Bạn có thể từ chối khai ngay cả khi bị người thẩm vấn thúc ép.
(theo Mục 1 Điều 38 của Hiến Pháp)

あなたは供述調書の記載内容を訂正するよう求めることができます（刑事訴訟法第198条第4項）。

*3 Bạn có quyền yêu cầu đính chính nội dung ghi trên biên bản thẩm vấn.
(theo Mục 4 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

供述調書に署名押印することは義務ではありません。内容の正誤・理由にかかわらず、拒否できます（刑事訴訟法第198条第5項）。

*4 Bạn không có nghĩa vụ phải ký tên đóng dấu vào Biên bản. Bạn được quyền từ chối bất kể vì lý do.
Biên bản không chính xác hay lý do gì khác. (theo Mục 5 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

作成日：月／日／年

署名

Ngày lập : Tháng/ngày/năm

Chữ ký

/ /